

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên: Hoàng Thị Hoài Phương

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lê Thị Nam Phương

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**“HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI
PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI QUÝ TÙNG LÂM”**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Hoàng Thị Hoài Phương
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lê Thị Nam Phương**

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Hoàng Thị Hoài Phương

Mã SV:1212401019

Lớp: QT 1601K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Quý
Tùng Lâm.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Hệ thống hóa lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Quý Tùng Lâm.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Quý Tùng Lâm.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu kế toán năm 2015 của Công ty TNHH Thương Mại Quý Tùng Lâm

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Thương mại Quý Tùng Lâm.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Lê Thị Nam Phương**

Học hàm, học vị: Thạc sĩ QTKD

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng.

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Quý Tùng Lâm.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 4 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 09 tháng 7 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Nghiêm túc có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu giáo viên hướng dẫn giao.
- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Yêu cầu của khóa luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương.

Chương 1: Tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Quý Tùng Lâm, có số liệu minh họa cụ thể (năm 2015). Số liệu minh họa từ các chứng từ vào các sổ sách kế toán tương đối hợp lý và logic.

Chương 3: tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Quý Tùng Lâm, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số:.....

Bằng chữ:.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2016

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

ThS. Lê Thị Nam Phương

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.	2
1.1 MỘT VÀI NÉT VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.	2
1.1.1 Doanh thu.	2
1.1.2 Chi Phí.	4
1.1.3 Xác định kết quả kinh doanh.	5
1.2 SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.	6
1.2.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	6
1.2.2. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	8
1.3. NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.	8
1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	8
1.3.2. Kế toán giá vốn hàng bán.	13
1.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	18
1.3.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.	20
1.3.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.	22
1.3.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	24
1.4. TỔ CHỨC SỔ SÁCH KẾ TOÁN DOANH THU.	28
1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.	28
1.4.2. Hình thức kế toán Chứng từ - Ghi sổ.	29
1.4.3. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái.	32
1.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.	33
1.4.5. Hình thức kế toán máy vi tính.	34

CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI QUÝ TÙNG LÂM.	36
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH TM Quý Tùng Lâm.	36
2.1.2. Đặc điểm tổ chức kinh doanh của công ty.	37
2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUÝ TÙNG LÂM.	43
2.2.1. Kế toán bán hàng và cung cấp dịch vụ.	43
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.	59
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.	67
2.2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.	77
2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	83
CHƯƠNG 3	94
MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI QUÝ TÙNG LÂM.	94
3.1.1. Ưu điểm.	94
3.1.2. Hạn chế.	96
3.2. HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUÝ TÙNG LÂM.	97
3.2.1. Tính cấp thiết của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Quý Tùng Lâm.	97
3.2.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.	97
3.2.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	98
KẾT LUẬN.	112

LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế ngày càng phát triển đã mở ra vô vàn cơ hội lẫn thách thức cho các doanh nghiệp. Để có thể tồn tại và phát triển ngày càng lớn mạnh đòi hỏi các doanh nghiệp cần chủ động trong sản xuất kinh doanh, nắm bắt thông tin đặc biệt là các thông tin tài chính một cách nhanh chóng và chuẩn xác nhất. "Làm thế nào để tối đa hóa lợi nhuận" là một câu hỏi mà tất cả các doanh nghiệp đều đang đi tìm.

Qua thời gian tìm hiểu tại Công ty TNHH Thương Mại Quý Tùng Lâm em đã có dịp được tìm hiểu thực tế và biết rõ hơn về công tác kế toán cũng như tầm quan trọng của nó, đặc biệt là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Xuất phát từ tầm quan trọng đó em đã quyết định chọn đề tài : “ ***Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Quý Tùng Lâm***” cho đề tài khóa luận của mình.

Kết cấu của đề tài ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 chương:

Chương 1 : Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Quý Tùng Lâm.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Quý Tùng Lâm.

Vì thời gian có hạn, sự hiểu biết và trình độ nghiệp vụ còn hạn chế nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Em kính mong các thầy cô sẽ chỉ bảo, tạo điều kiện để em hoàn thành tốt bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn !

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1 MỘT VÀI NÉT VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1.1 Doanh thu.

1.1.1.1 Khái niệm.

Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán hoặc sẽ thu được, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh (SXKD) thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu.

1.1.1.2 Các loại doanh thu.

❖ ***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:*** Là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu ngoài giá bán (nếu có).

Điều kiện ghi nhận doanh thu:

Theo chuẩn mực kế toán số 14: “doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo quyết định 149/2001/QĐ – BTC ban hành ngày 31/12/2001

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan tới việc bán hàng

❖ ***Doanh thu cung cấp dịch vụ*** là giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ **Doanh thu nội bộ:** Là số doanh thu bán hàng nội bộ trong một kỳ kế toán của khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính, bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

❖ **Thu nhập khác:** Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu gồm: thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, các khoản thu khác...

1.1.1.3. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản phát sinh làm giảm doanh thu trong kỳ, bao gồm:

❖ **Chiết khấu thương mại:** Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn.

❖ **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc không đúng thời hạn... đã ghi trong hợp đồng kinh tế.

❖ **Hàng bán bị trả lại:** Là giá trị các loại hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

❖ **Thuế xuất khẩu:** Được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu phải nộp thuế này.

❖ **Thuế tiêu thụ đặc biệt:** Được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu những mặt hàng, dịch vụ mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất, tiêu dùng như hàng xa xỉ, rượu, bia, thuốc lá,...

❖ **Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:** Được tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng, thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã xác định trong kỳ

➔ **Doanh thu thuần:** Là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm trừ doanh thu.

1.1.2 Chi Phí.

1.1.2.1 Khái niệm

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động và vật chất mà doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một khoảng thời gian nhất định.

1.1.2.2 Các loại chi phí.

❖ **Giá vốn hàng bán:** Là giá trị hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ.

- Đối với hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ: Giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm hay chi phí sản xuất.

- Đối với hàng hóa tiêu thụ: giá vốn hàng bán bao gồm trị giá mua hàng của hàng đã tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

❖ **Chi phí quản lý kinh doanh:** là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp và các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp như chi phí về lương nhân viên bán hàng, quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bán hàng, quản lý doanh nghiệp.

❖ **Chi phí hoạt động tài chính:** Là các khoản chi phí liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn.
- Chi phí chênh lệch tỷ giá hối đoái.
- Chi phí chiết khấu thanh toán

❖ **Chi phí khác:** Là các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường, bao gồm:

- Giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý, nhượng bán.
- Chi phí liên quan đến thanh lý, nhượng bán tài sản.
- Chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản cố định khi đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty con, công ty liên kết.
- Chỉ cho tài trợ, biếu tặng, viện trợ...

❖ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính.

Phương pháp để tính thuế thu nhập doanh nghiệp:

*Thuế TNDN phải nộp = thu nhập chịu thuế * thuế suất thuế TNDN*

1.1.3 Xác định kết quả kinh doanh.

1.1.3.1 Khái niệm.

Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả từ hoạt động sản xuất, kinh doanh; kết quả từ hoạt động tài chính, kết quả từ hoạt động khác.

1.1.3.2 Cách xác định kết quả kinh doanh.

✓ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán và chi phí hoạt động kinh doanh.

✓ Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

✓ Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

Số tiền lãi (lỗ) được phân phối như sau:

Nếu lỗ sẽ trừ vào lợi nhuận sau thuế của năm tài chính tiếp theo.

Nếu lãi sẽ được doanh nghiệp phân phối theo trình tự:

- Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Nộp tiền thu về sử dụng vốn ngân sách nhà nước.
- Trừ các khoản chi thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý hợp lệ, các khoản lỗ năm trước chuyển sang.

- Trích lập các quỹ: quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng giảm giá, quỹ khen thưởng phúc lợi.
- Chia lãi các bên tham gia góp vốn.

1.2 SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.

1.2.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

❖ Đối với doanh nghiệp:

Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp:

- Nắm bắt và đánh giá được hiệu quả sản xuất, kinh doanh của từng hoạt động trong doanh nghiệp.
- Làm căn cứ để thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện việc phân phối và tái đầu tư sản xuất kinh doanh.
- Đưa ra được những chiến lược, giải pháp sản xuất kinh doanh dựa trên những thông tin thu thập được.

❖ Đối với nhà nước:

Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng với nhà nước:

- Dựa vào kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu.
- Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định kinh tế quốc gia sử dụng chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá để đề ra các giải pháp phù hợp phát triển kinh tế tầm vĩ mô tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động.

❖ Đối với nhà đầu tư:

Giúp các nhà đầu tư nắm bắt, phân tích và đánh giá tình hình doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đưa ra các quyết định đầu tư một cách chính xác và hiệu quả nhất.

❖ Đối với các tổ chức tài chính trung gian:

Dựa vào số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp làm căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp vay vốn hay không.

❖ **Đối với nhà cung cấp:**

Kết quả kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ cho doanh nghiệp chậm thanh toán,...

1.2.2. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.2.2.1. Vai trò.

Việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện tốt nhất để cung cấp các thông tin cần thiết giúp cho ban lãnh đạo có thể phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và lựa chọn phương án kinh doanh, đầu tư có hiệu quả tốt nhất, đồng thời cung cấp kịp thời các thông tin tài chính cho các bên liên quan.

Kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng của một kỳ kế toán. Nó cho biết được trong kỳ kế toán đó công ty lãi hay lỗ. Vì vậy xác định kết quả kinh doanh phải chính xác, đúng đắn và đầy đủ.

1.2.2.2. Nhiệm vụ.

Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác chi phí phát sinh trong kỳ cho từng đối tượng chịu chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán.

Phản ánh, tính toán và kết chuyển chính xác kết quả của từng hoạt động trong kỳ kinh doanh nhằm xác định và phân phối kết quả kinh doanh đúng đắn, hợp lý.

Cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh của toàn doanh nghiệp.

1.3. NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.

1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.3.1.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.

Tùy theo phương thức bán hàng, phương thức thanh toán, kế toán bán hàng sử dụng các chứng từ, sổ sách kế toán:

- Hóa đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ (Hóa đơn thông thường, hóa đơn GTGT)
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc thanh toán, ủy nhiệm chi, giấy báo có của ngân hàng, đề nghị thanh toán)
- Chứng từ liên quan khác: Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho, hàng trả lại,....
- Sổ chi tiết bán hàng.
- Bảng kê bán hàng.
- Sổ chi tiết các tài khoản 511, 3331
- Bảng cân đối phát sinh.
- Báo cáo tài chính,...

1.3.1.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một thời kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản cấp 2 của tài khoản 511

- TK 5111- Doanh thu bán hàng.
- TK 5112- Doanh thu bán hàng các thành phẩm.
- TK 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- TK 5118- Doanh thu khác.

Kế cấu tài khoản 511

Nợ	TK 511	Có
- Thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ - Kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911		- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ, lao vụ phát sinh trong kỳ hạch toán.

Σ Số phát sinh bên nợ	Σ Số phát sinh bên có
TK 511 không có số dư cuối kỳ	

❖ Tài khoản 521- Chiết khấu thương mại.

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi chép trên hợp đồng kinh tế mua, bán đã cam kết.

Tài khoản cấp 2 của tài khoản 521:

- TK 5211 – chiết khấu thương mại.
- TK 5212 – Hàng bán bị trả lại.
- TK 5213 – giảm giá hàng bán.

Kết cấu tài khoản 521.

Nợ	TK 521	Có
- Khoản chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.	-	Kết chuyển toàn bộ khoản chiết khấu thương mại sang TK 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.
Σ Số phát sinh bên nợ		Σ Số phát sinh bên có

TK 521 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 333- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

- TK 3331- Thuế GTGT phải nộp.
- TK 3332- Thuế tiêu thụ đặc biệt.
- TK 3333- Thuế xuất, nhập khẩu.

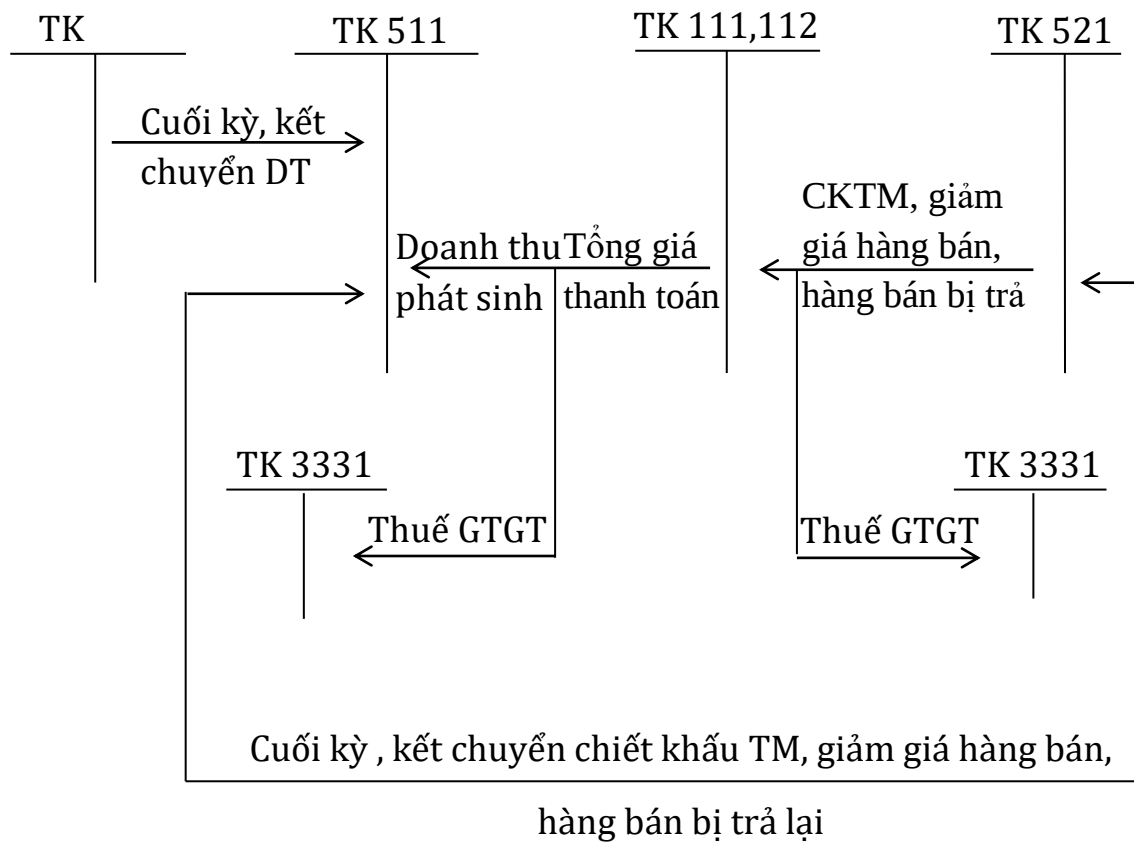
1.3.1.3. Quy trình hạch toán.

❖ Kế toán doanh thu bán hàng theo phương pháp trực tiếp.

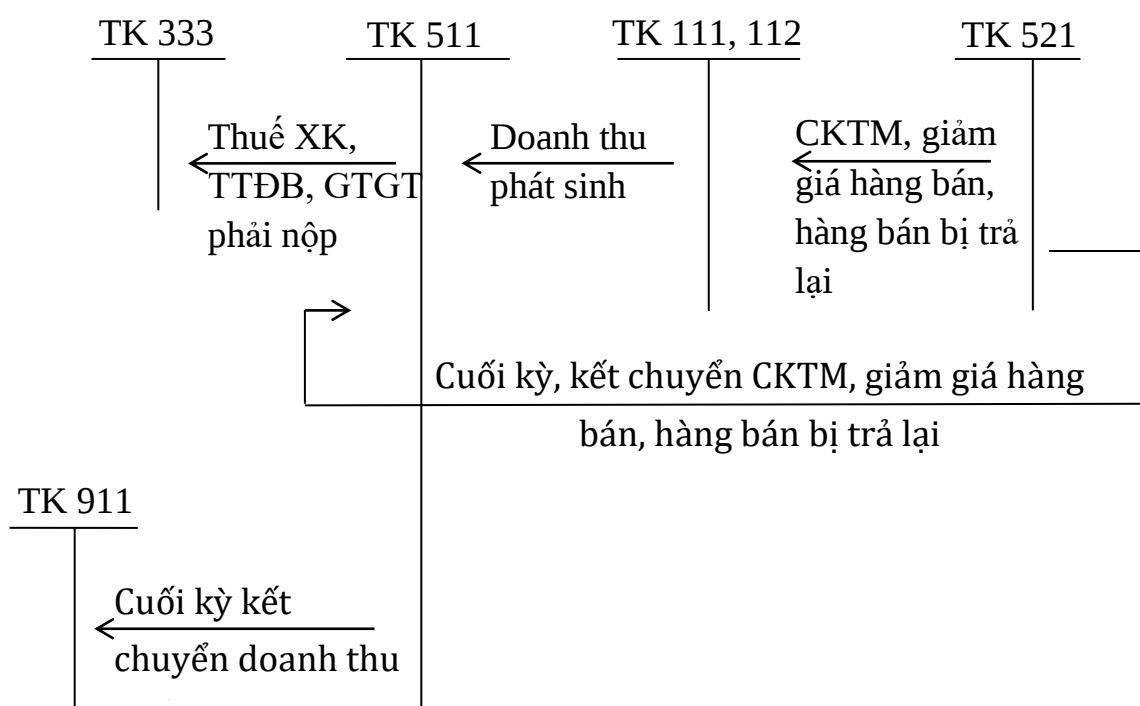
Là phương thức bán hàng mà khách hàng có thể đến mua hàng trực tiếp hoặc thanh toán trước tiền hàng, sau đó công ty sẽ chuyển hàng đến nơi khách hàng yêu cầu. Chi phí vận chuyển sẽ do hai bên thỏa thuận.

Quy trình hạch toán được thể hiện ở sơ đồ số 01.

**Sơ đồ 01: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
(trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu
trừ).**



Sơ đồ 02: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)



1.3.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

1.3.2.1. Các phương pháp xác định giá vốn.

Doanh nghiệp phải xác định được giá vốn của hàng xuất bán để làm căn cứ ghi sổ, cuối kỳ xác định kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh. Để tính giá vốn hàng xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính trị giá hàng xuất kho.

- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ, bình quân gia quyền liên hoàn.
- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)
- Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO).
- Phương pháp thực tế đích danh.

Trị giá hàng xuất kho = Lượng hàng hóa xuất kho * Giá đơn vị xuất kho.

❖ Phương pháp bình quân gia quyền.

Theo phương pháp này thì trị giá thực tế của hàng hóa, thành phẩm xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hóa, thành phẩm xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền.

Giá đơn vị bình quân gia quyền có 2 cách tính:

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị} \\ \text{bình quân} \\ \text{gia quyền} \\ \text{cả kỳ} \end{array} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị} \\ \text{bình quân} \\ \text{gia quyền} \\ \text{liên hoàn} \\ \text{sau lần} \\ \text{nhập i} \end{array} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập i}}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập i}}$$

❖ Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nhập về trước sẽ được xuất trước, xuất hết số hàng nhập trước mới tính đến số hàng nhập sau theo giá mua thực tế của từng loại hàng (trong trường hợp này, số hàng tồn đầu kỳ sẽ được coi là lần nhập đầu tiên).

❖ Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nhập về sau sẽ được xuất trước, xuất hết số hàng nhập lần sau mới tính đến số hàng nhập lần ngay trước đó của từng loại hàng.

❖ Phương pháp thực tế đích danh.

Theo phương pháp này, hàng hóa nhập kho theo giá nào thì được xuất kho theo giá đó. Hàng hóa được xác định theo đơn chiếc từng lô và giữ nguyên giá cho đến lúc bán (trừ trường hợp điều chỉnh).

Phương pháp này phản ánh chính xác giá trị của từng lô hàng hóa của mỗi lần nhập. Do đó những doanh nghiệp có nhiều mặt hàng, nhiều nghiệp vụ nhập xuất hàng hóa không nên áp dụng.

1.3.2.2. Chứng từ kế toán sử dụng.

- ✓ Hóa đơn mua hàng, hóa đơn GTGT.
- ✓ Phiếu xuất kho, hợp đồng kinh tế.

1.3.2.3. Tài khoản sử dụng.**❖ TK 632 – Giá vốn hàng bán.**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.

Ngoài ra, tài khoản này còn để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa,...

Kết cấu tài khoản 632: theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Nợ	TK 632	Có
- Phản ánh giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi đã trừ đi phần bồi thường trách nhiệm cá nhân gây ra. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.	- Trị giá vốn hàng bán bị trả lại nhập kho. - Kết chuyển giá vốn hàng bán vào TK 911	
Σ Số phát sinh bên Nợ.		Σ Số phát sinh bên Có.

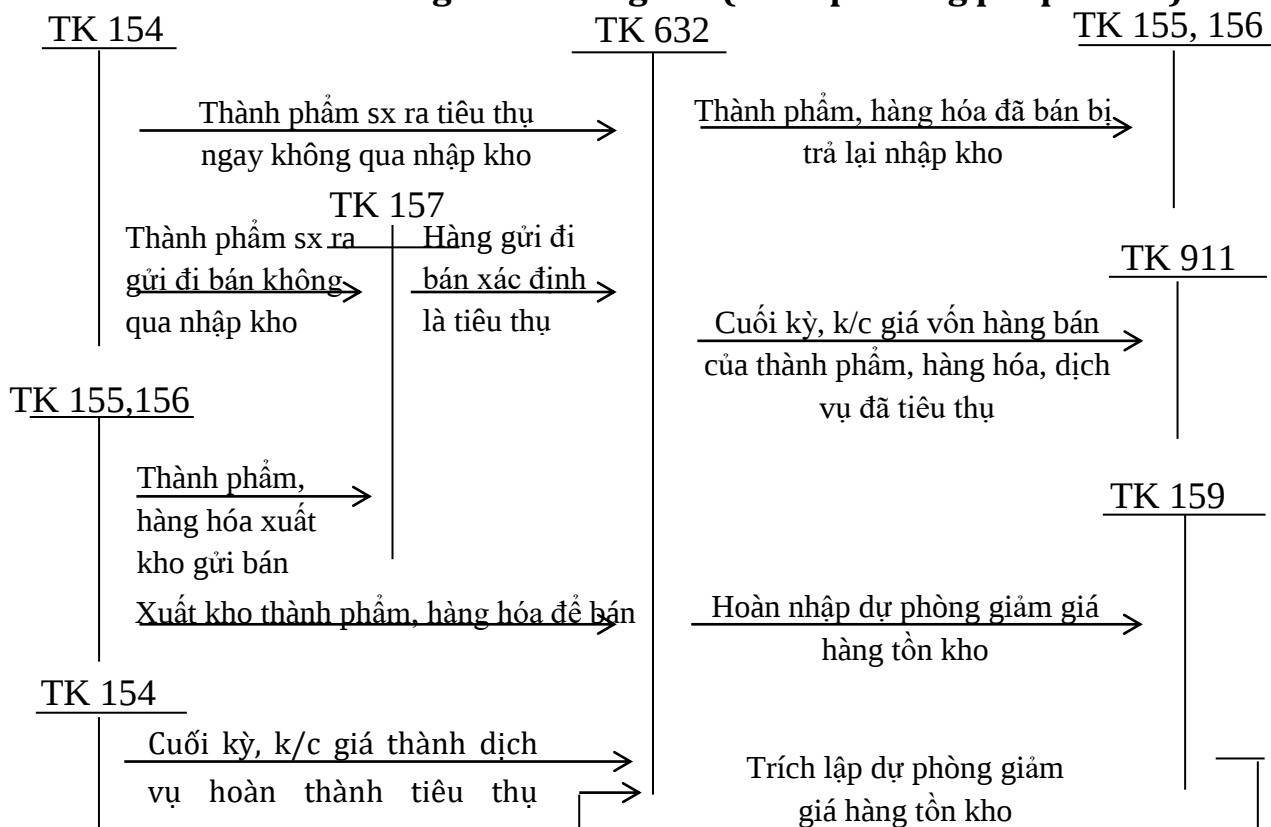
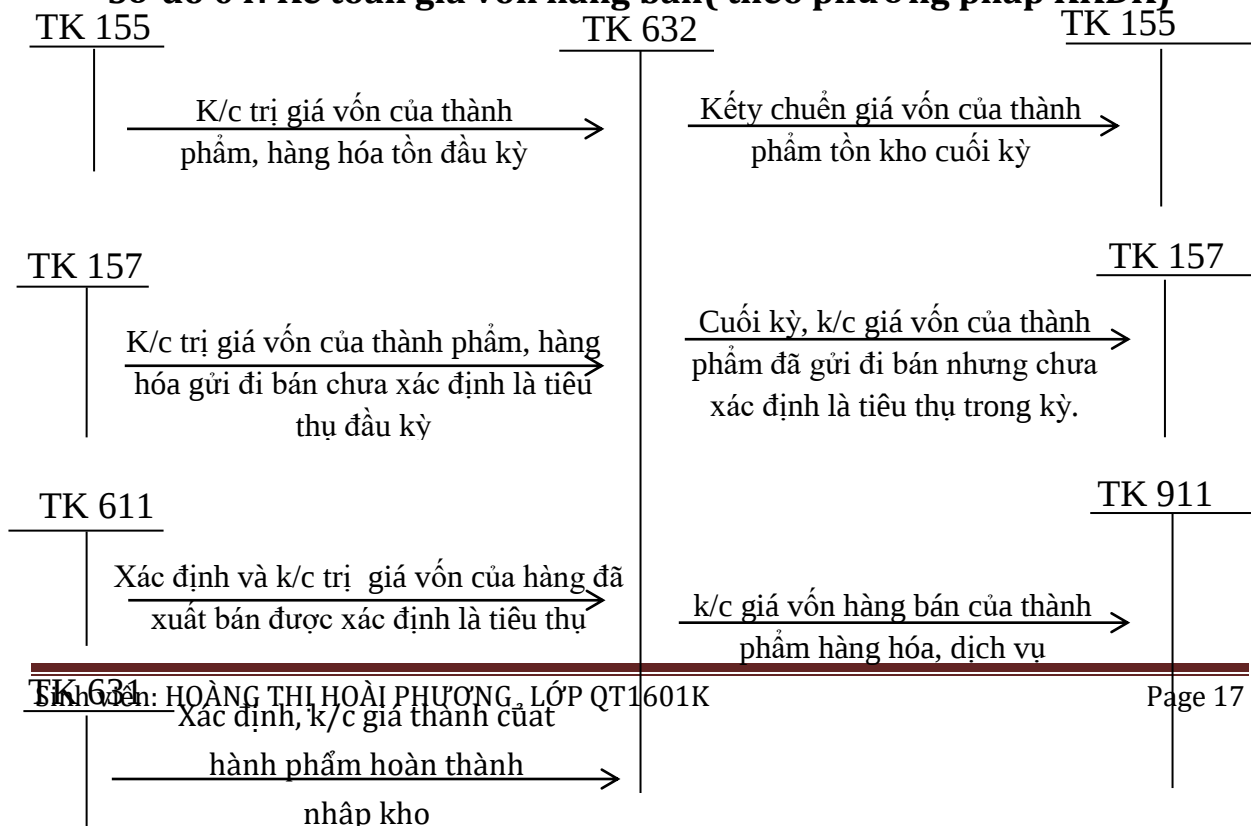
TK 632 không có số dư cuối kỳ.

Kết cấu tài khoản 632: theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Nợ	TK 632	Có
- Phản ánh giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.	- Kết chuyển giá vốn hàng hóa đã gửi đi bán nhưng chưa xác định là tiêu thụ. - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. - Kết chuyển giá vốn hàng bán vào TK 911	

Σ Số phát sinh bên Nợ. Σ Số phát sinh bên Có.

TK 632 không có số dư cuối kỳ.

1.3.2.4. Quy trình hạch toán.**Sơ đồ 03: Kế toán giá vốn hàng bán(theo phương pháp KKTX)****Sơ đồ 04: Kế toán giá vốn hàng bán(theo phương pháp KKĐK)**

1.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**1.3.3.1. Chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng.**

- Bảng tính và phân bổ tiền lương và BHXH.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ.
- Các chứng từ gốc có liên quan: phiếu thu, phiếu chi,...
- Sổ chi tiết liên quan.
- Bảng cân đối số phát sinh.
- Báo cáo tài chính.

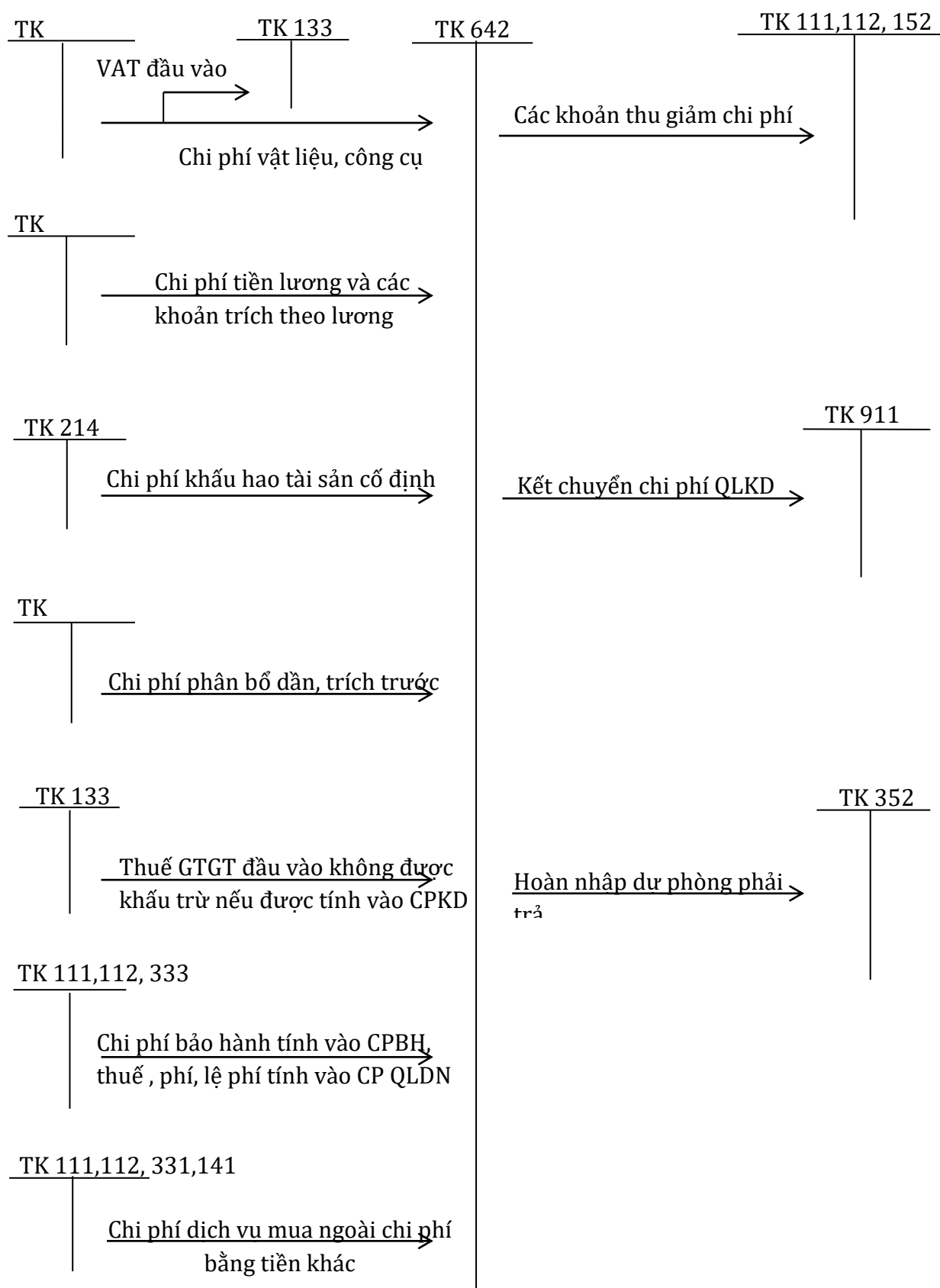
1.3.3.2. Tài khoản sử dụng.**❖ Tài khoản 642 – chi phí quản lý kinh doanh**

- TK 6421 – Chi phí bán hàng.
- TK 6422 – chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 642

Nợ	TK 642	Có
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ. - Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả. - Dự phòng trợ cấp mất việc làm.		- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi. - Kết chuyển chi phí kinh doanh vào TK 911
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 642 không có số dư cuối kỳ

1.3.3.3. Quy trình hạch toán.**Sơ đồ05 : Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.**

1.3.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.**1.3.4.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.**

- Giấy báo có, giấy báo nợ,...
- Các khế ước cho vay, đi vay biên bản ghi nhận nợ
- Các chứng từ liên quan khác.
- Sổ chi tiết liên quan.
- Bảng cân đối số phát sinh.
- Bảng cân đối kế toán.

1.3.4.2. Tài khoản sử dụng.**❖ Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.***Kết cấu tài khoản 515.*

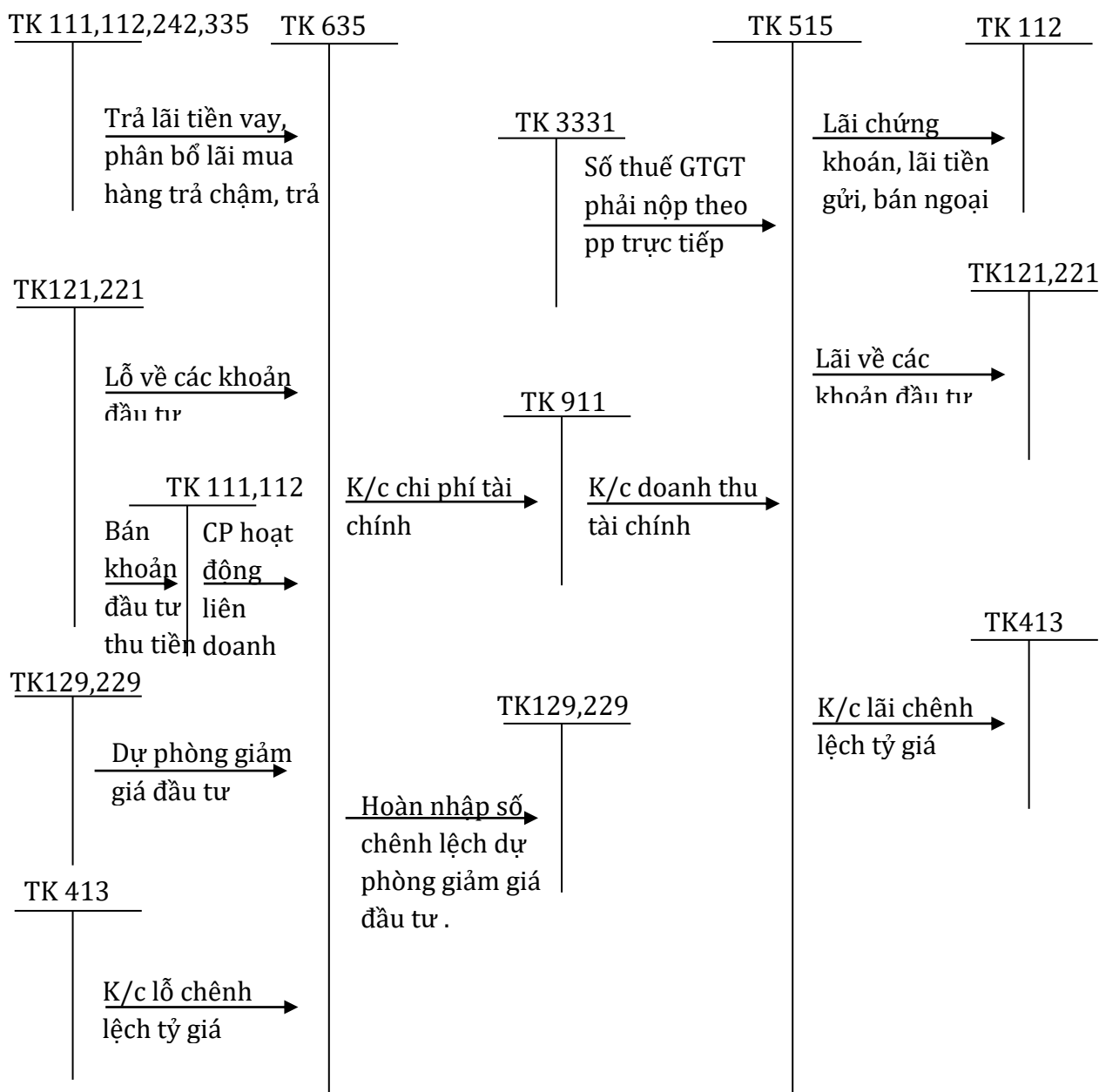
Nợ	TK 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)	- Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán trả chậm, lãi tỷ giá...	
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911		
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 515 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính.*Kết cấu tài khoản 635.*

Nợ	TK 635	Có
- Tập hợp chi phí hoạt động tài chính: chi phí đi vay, lỗ tỷ giá, chiết khấu thanh toán cho người mua.	- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK 911.	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 635 không có số dư cuối kỳ

1.3.4.3. Quy trình hạch toán.**Sơ đồ 06: Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.**

1.3.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.**1.3.5.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.**

- Phiếu thu, phiếu chi, phiếu kế toán.
- Giấy báo có, giấy báo nợ,...
- Các chứng từ liên quan khác.
- Sổ chi tiết liên quan.
- Bảng cân đối số phát sinh.
- Bảng cân đối kế toán.

1.3.5.2 Tài khoản sử dụng.**❖ Tài khoản 711 – Doanh thu khác.***Kết cấu tài khoản 711.*

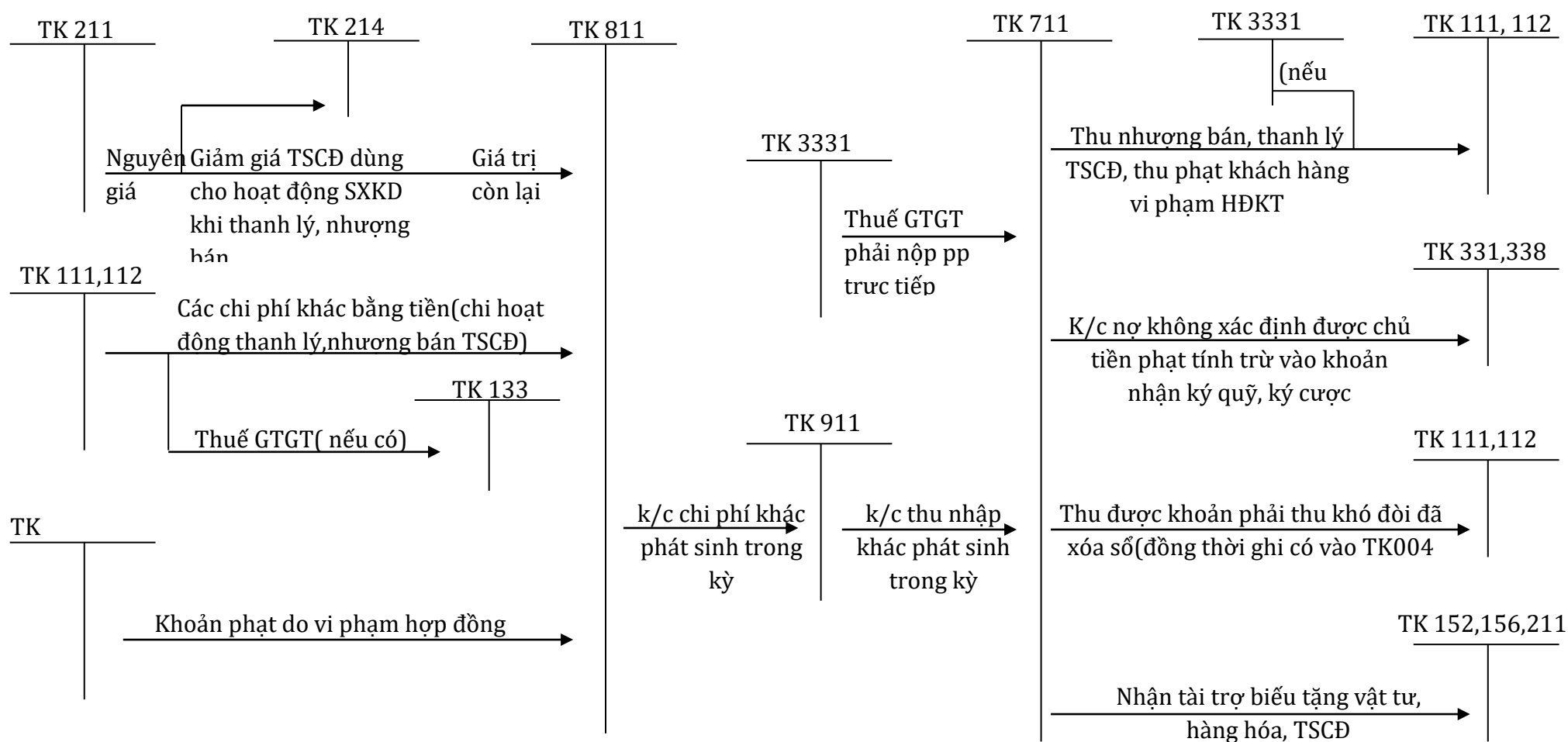
Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp	- Tập hợp thu nhập khác phát sinh trong kỳ kinh doanh.	
- Kết chuyển thu nhập khác sang TK 911		
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 711 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 811 – Chi phí khác.*Kết cấu tài khoản 811.*

Nợ	TK 811	Có
- Tập hợp chi phí khác phát sinh trong kỳ	- Kết chuyển chi phí khác sang TK 911.	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 811 không có số dư cuối kỳ

1.3.5.3. Quy trình hạch toán.**Sơ đồ số 07: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác.**

1.3.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.**1.3.6.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.**

- Phiếu kế toán, các chứng từ liên quan khác.
- Sổ chi tiết liên quan.
- Bảng cân đối số phát sinh.
- Báo cáo tài chính.

1.3.6.2. Tài khoản sử dụng.**❖ Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh***Kết cấu tài khoản 911*

Nợ	TK 911	Có
- Tập hợp chi phí phát sinh trong kỳ(giá vốn hàng bán, chi phí kinh doanh, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác) - Kết chuyển lãi - Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	- Tập hợp doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ(doanh thu thuần về bán hàng và CCDV, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác). - Kết chuyển lỗ.	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 911 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối, bao gồm:

- TK 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.
- TK 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

Kết cấu tài khoản 421

Nợ	TK 421	Có
- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp - Trích lập các quỹ trong doanh nghiệp - Chia cổ tức, lợi nhuận cho các bên tham gia góp vốn. - Bổ sung nguồn vốn kinh doanh. - Nộp lợi nhuận lên cấp trên.		- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ. - Số lỗ của cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù. - Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có
Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý		Số lợi nhuận chưa phân phối

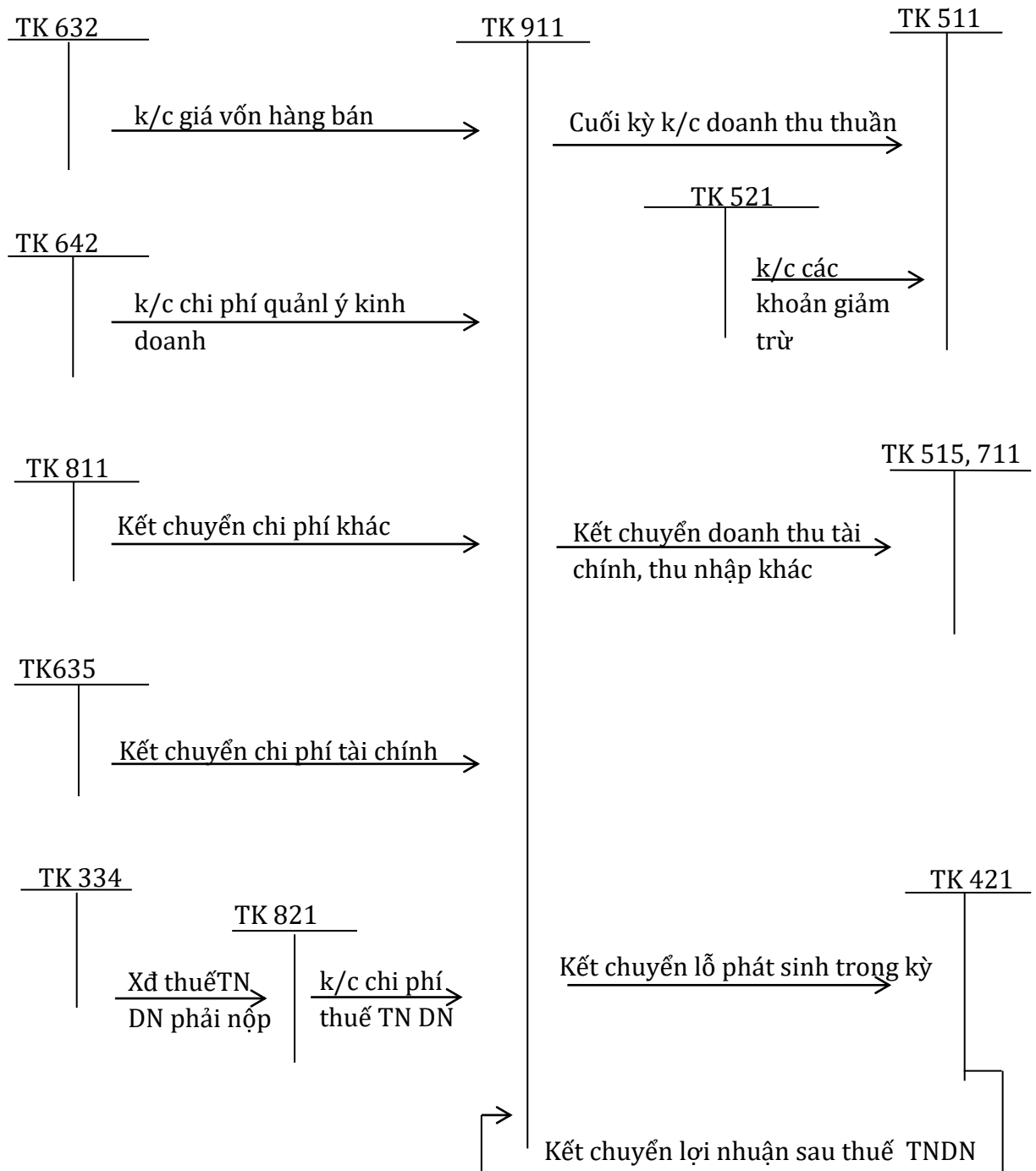
❖ **Tài khoản 821 –Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**, bao gồm :*Kết cấu tài khoản 821.*

Nợ	TK 821	Có
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm. - Ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.		- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm. - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. - Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 821 không có số dư cuối kỳ

❖ **Tài khoản 3334- Thuế thu nhập doanh nghiệp.**

Doanh thu bán hàng	
-	
Giá vốn hàng bán	
=	
Lợi nhuận gộp (từ hoạt động bán hàng)	
+	
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	← Doanh thu TC- Chi phí TC
-	
Chi phí kinh doanh	← Chi phí QLDN, chi phí BH
=	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	
+/-	
Lãi/ lỗ từ hoạt động khác	← Thu nhập khác- CP khác
=	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	
-	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	← LNTT * Thuế suất thuế TNDN
=	
Lợi nhuận sau thuế	

1.3.6.3. Quy Trình hạch toán.**Sơ đồ 08: kế toán xác định kết quả kinh doanh.**

1.4. TỔ CHỨC SỔ SÁCH KẾ TOÁN DOANH THU.

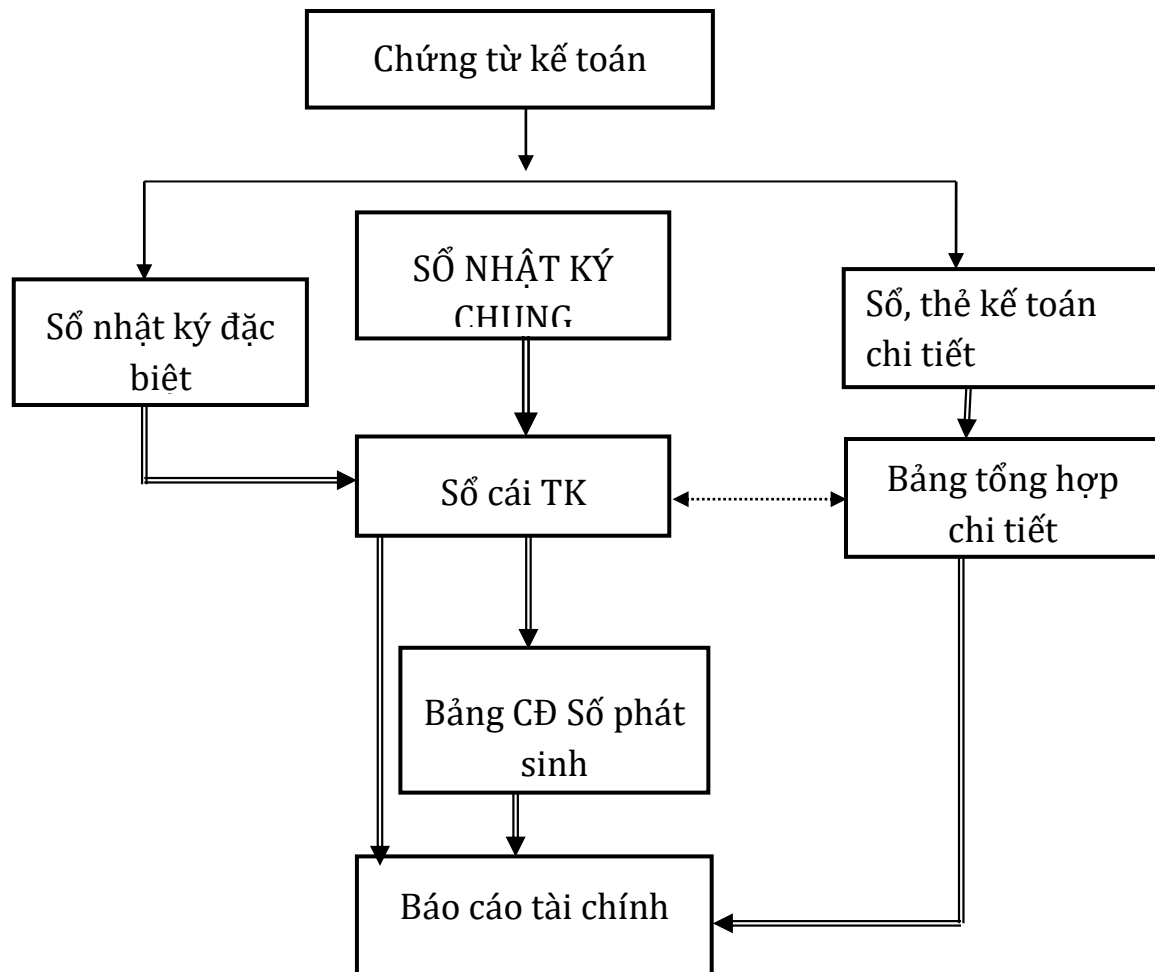
1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

❖ Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký chung.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung : tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là Sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế(định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó.Sau đó lấy số liệu trên Sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ Các loại sổ: Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái, Sổ thẻ kế toán chi tiết,...

❖ Trình tự ghi sổ kế toán

Sơ đồ 09: trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.**Ghi chú:**

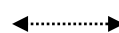
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



Kiểm tra, đối chiếu

**1.4.2. Hình thức kế toán Chứng từ - Ghi sổ.****❖ Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức Chứng từ - Ghi sổ**

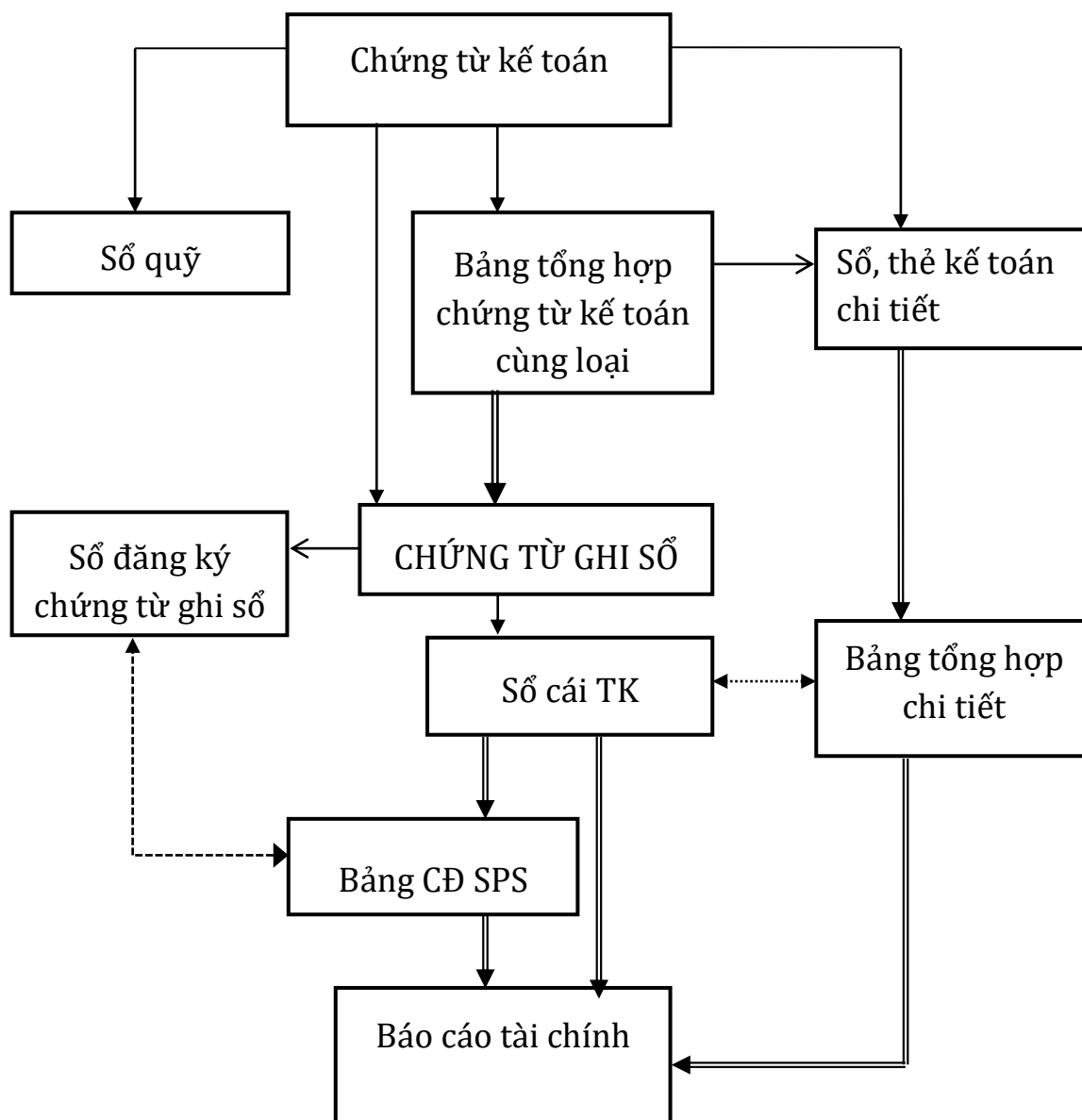
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán chứng từ ghi sổ: Căn cứ tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái.

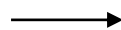
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

- ❖ Các loại sổ: Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ cái, Các sổ thẻ kế toán chi tiết.
- ❖ Trình tự ghi sổ kế toán

Sơ đồ 10: trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



Kiểm tra, đối chiếu



1.4.3. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái.

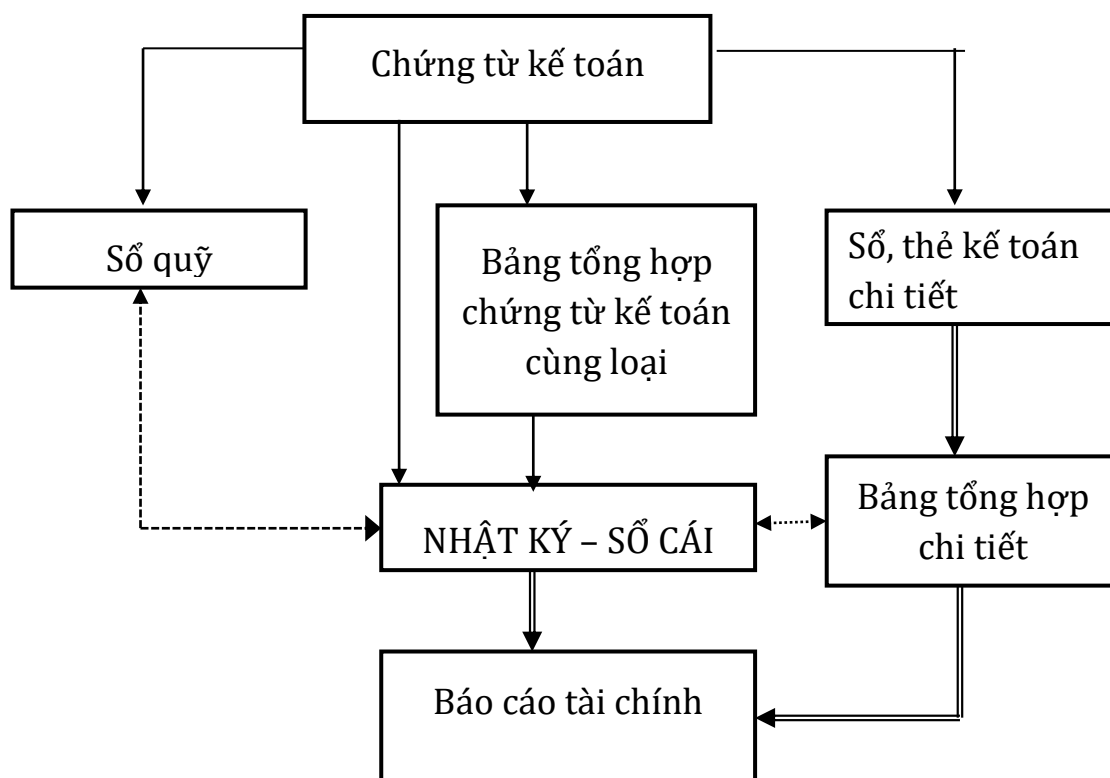
❖ Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký – Sổ Cái.

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký – Sổ Cái: các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ Cái. Căn cứ để ghi sổ Nhật ký – Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ Các loại sổ: Nhật ký – Sổ cái; các sổ, thẻ kế toán chi tiết...

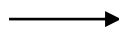
❖ Trình tự ghi sổ kế toán.

Sơ đồ 11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ Cái.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



Kiểm tra, đối chiếu



1.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.

❖ Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký – Chứng từ.

Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng bên Nợ.

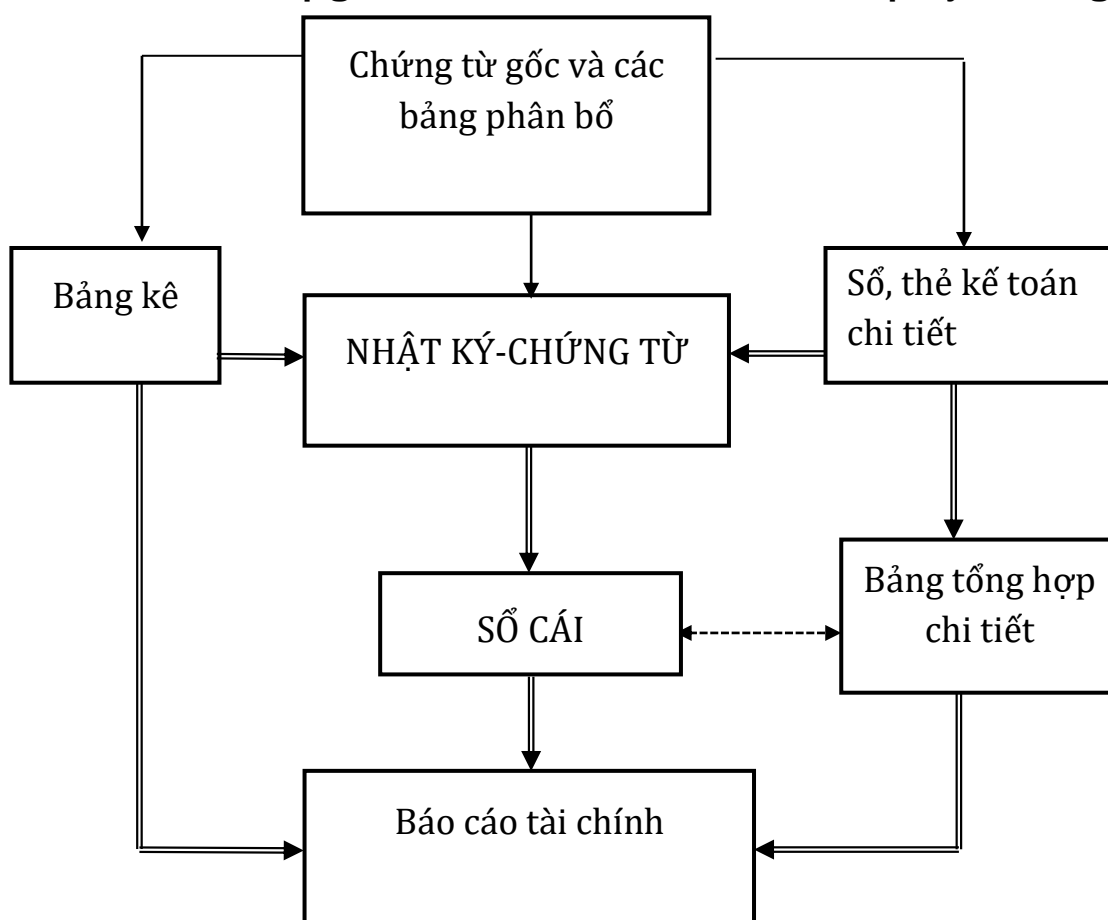
Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập Báo cáo tài chính.

❖ Các loại sổ sách sử dụng: Nhật ký – chứng từ; Bảng kê; Sổ cái; Sổ, thẻ kế toán chi tiết...

❖ Trình tự ghi sổ.

Sơ đồ 12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – chứng từ.**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



Kiểm tra, đối chiếu

**1.4.5. Hình thức kế toán máy vi tính.**

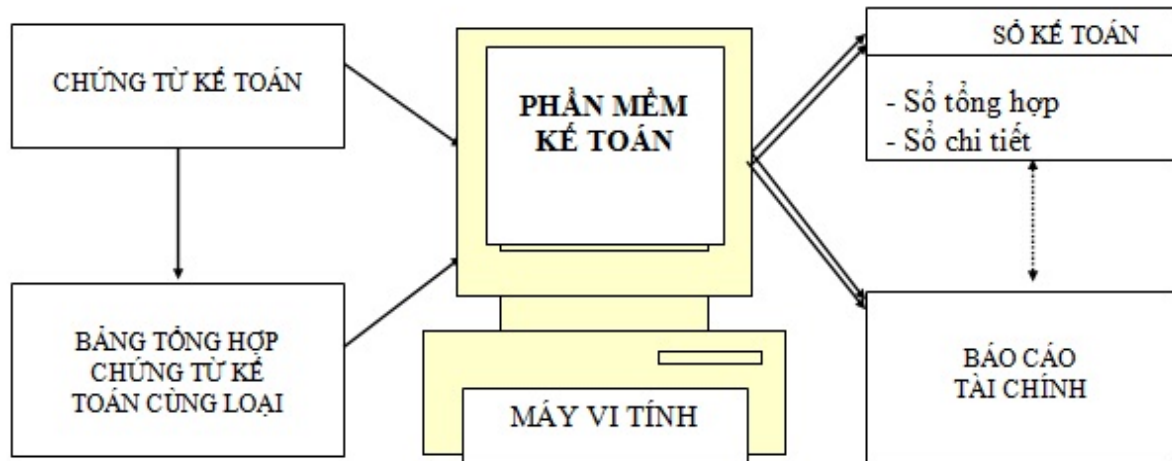
❖ Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy vi tính.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo quy định.

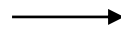
❖ Các loại sổ:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

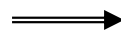
❖ Trình tự ghi sổ.

Sơ đồ 13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy.**Ghi chú:**

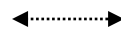
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



Kiểm tra, đối chiếu



CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI QUÝ TÙNG LÂM.

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUÝ TÙNG LÂM.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH TM Quý Tùng Lâm.

- ❖ *Tên giao dịch: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUÝ TÙNG LÂM***
- ❖ *Tên giao dịch quốc tế: **QUY TUNG LAM TRADING COMPANY LIMITED***
- ❖ *Địa chỉ: **Số 68, Phố Tô Hiệu, Phường Trại Cau, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam***
- ❖ *Số điện thoại: **0313.556.769***
- ❖ *Mã số thuế: **0201274787***
- ❖ *Vốn điều lệ : **1.000.000.000***
- ❖ *Người đại diện: **Giám đốc Lê Tùng Lâm***
- ❖ *Ngành nghề kinh doanh: **Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.***
- ❖ *Địa điểm kinh doanh: **NHÀ HÀNG CÁ NƯỚNG LÀNG CHÀI-Số 1 Vĩnh Lưu, Khu Đồng Đình Vàng, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền ,TP Hải Phòng, Việt Nam***
- ❖ *Chi nhánh công ty: - **NHÀ HÀNG CÁ NƯỚNG LÀNG CHÀI 2-Số 179B, Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy,TP Hà Nội Việt Nam***
- ❖ *MST:**0201274787-001***

Công ty TNHH thương mại Quý Tùng Lâm được thành lập vào ngày 02 tháng 08 năm 2012 theo QĐ 48 của BTC, giấy phép đầu tư số 0201274787 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hải Phòng phê chuẩn.

Mặc dù là một doanh nghiệp trẻ mới được thành lập vào năm 2012, nhưng Công ty TNHH thương mại Quý Tùng Lâm đã tạo được cho mình một vị thế

có uy tín và vững chắc trong lĩnh vực dịch vụ ăn uống, tổ chức sự kiện trên thị trường thành phố Hải Phòng. Những năm qua, do nhận thấy tầm quan trọng cũng như tiềm năng của lĩnh vực ăn uống, giải trí của người dân thành phố cảng... công ty đã không ngừng mở rộng và phát triển. Với các món ăn ngon, chất lượng đảm bảo, phục vụ chuyên nghiệp và nhiệt tình công ty TNHH thương mại Quý Tùng Lâm đã thực sự tạo lên thương hiệu riêng trên thị trường Hải Phòng. Năm 2015, không chỉ phát triển ở Hải phòng công ty tiếp tục mở rộng quy mô lập chi nhánh tại Hà Nội. Đây là bước thành công lớn đối với doanh nghiệp trẻ như công ty TNHH thương mại Quý Tùng Lâm

2.1.2. Đặc điểm tổ chức kinh doanh của công ty.

2.1.2.1. Lĩnh vực hoạt động của công ty.

Công ty hoạt động về kinh doanh nhà hàng, chuyên cung cấp dịch vụ ăn uống, tổ chức sự kiện.

2.1.2.2. Những kết quả đạt được.

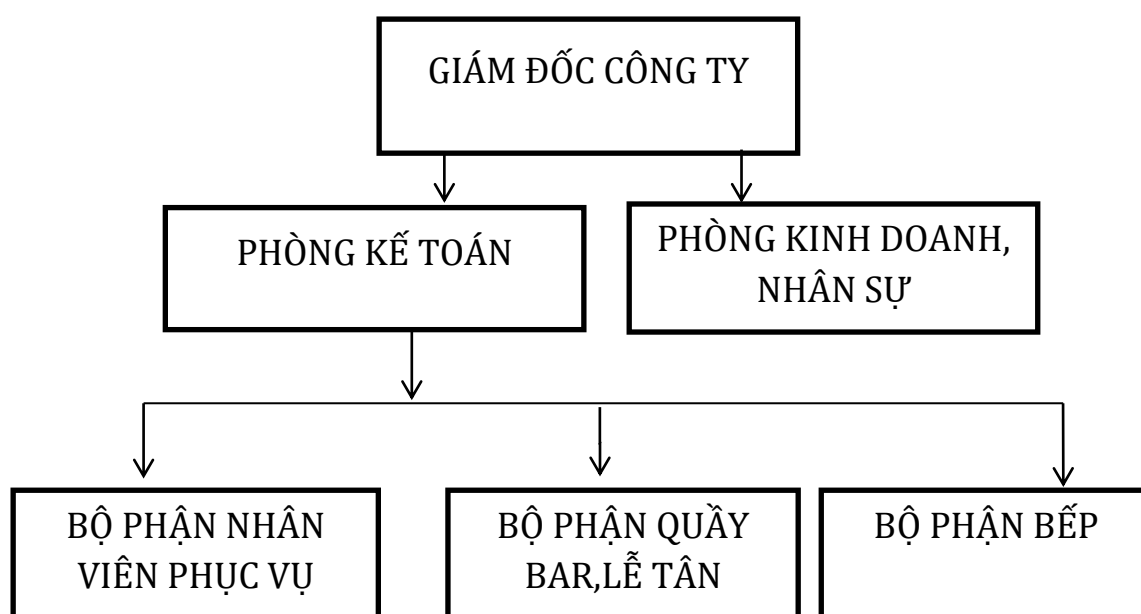
Với việc thực hiện các chính sách thích hợp kết quả kinh doanh của công ty đã không ngừng được cải thiện trong các năm qua. Điều này được thể hiện thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong 3 năm 2013, 2014 và 2015 với các chỉ tiêu tổng doanh thu, tổng chi phí, lợi nhuận thuần, lợi nhuận sau thuế.

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	So sánh	
			Giá trị	%
Doanh thu bán hàng và ccdv	3.163.692.709	2.961.056.900	202.635.809	6,843361
Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0	0	0
Doanh thu thuần về bán hàng	3.163.692.709	2.961.056.900	202.635.809	6,843361
Giá vốn hàng bán	2.013.560.929	1.890.706.050	122.854.879	6,497831
Lợi nhuận gộp về bán hàng và ccdv	1.150.131.780	1.070.350.850	79.780.930	7,453718
Doanh thu hoạt động tài chính	140.805	112.009	28.796	25,70865
Chi phí tài chính	0	0	0	
Chi phí quản lý kinh doanh	694.452.759	646.985.780	47.466.979	7,336634
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	455.819.826	423.477.079	32.342.747	7,637426
Lợi nhuận trước thuế	455.819.826	423.477.079	32.342.747	7,637426
Thuế thu nhập doanh nghiệp	113.954.957	105.869.270	8.085.687	7,637426
Lợi nhuận sau thuế TNDN	341.864.869	317.607.809	24.257.060	7,63742556

2.1.2.3. Đặc điểm tổ chức quản lý của công ty.

Công ty TNHH thương mại Quý Tùng Lâm có bộ máy quản lý tổ chức tập trung gọn nhẹ. Đứng đầu là Giám đốc tiếp đến là phòng kế toán và các bộ phận.

Sơ đồ 14: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH TM Quý Tùng Lâm .



❖ Chức năng nhiệm vụ phân cấp nội bộ công ty:

Doanh nghiệp muốn phát triển và tồn tại lớn mạnh ngoài vốn , chuyên môn của từng thành viên trong công ty, phải có bộ máy quản lý tốt. Qua sơ đồ trên ta thấy bộ máy nhân sự của công ty được sắp xếp trên cơ sở gọn nhẹ, hiệu quả với các phòng ban được phân cách rõ ràng phù hợp với công việc kinh doanh của công ty.

▪ Giám đốc công ty

- Là người đứng đầu công ty, đồng thời là người trực tiếp lãnh đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty qua bộ máy lãnh đạo của công ty. Giám đốc là người chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về mọi hoạt động đối nội và đối ngoại của công ty.

▪ Phòng kinh doanh, nhân sự.

- Tham mưu cho giám đốc về điều hành nội bộ, về hoạch định, thiết lập, phổ biến, triển khai chính sách, mục tiêu của công ty

- Chịu trách nhiệm lập kế hoạch, chỉ đạo kinh doanh, theo dõi tiến độ kinh doanh, tìm nguyên nhân, đề xuất biện pháp điều chỉnh khắc phục, phòng ngừa kịp thời.

- Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các bộ phận trong công ty.

- Tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đảm bảo hiệu quả, đồng thời phối hợp với phòng kế toán để xác định tình hình công nợ theo các hợp đồng kinh tế đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

- Chịu trách nhiệm lập kế hoạch kinh doanh, triển khai nhiệm vụ cho các bộ phận, lên kế hoạch cho phương hướng trong kỳ kinh doanh tiếp theo. Nắm bắt và tổng hợp tình hình kinh doanh của công ty.

- Xây dựng và áp dụng các chế độ quy định nội bộ về quản lý sử dụng lao động, chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty trong việc thực hiện các chính sách đối với người lao động.

- Thực hiện công tác thi đua khen thưởng kỷ luật trong doanh nghiệp.

▪ Phòng kế toán

- Quản lý công tác hành chính văn thư, bảo mật, thông tin liên lạc, đánh máy...

- Tổ chức công tác ghi chép ban đầu, lập, kiểm soát và quản lý các chứng từ kế toán theo đúng quy định của pháp luật.

- Lập và quản lý các sổ sách kế toán theo quy định của chế độ Tài chính – Kế toán hiện hành.

- Lập, trình ký, chuyển nộp các báo cáo thuế, báo cáo kế toán, báo cáo thống kê định kỳ theo chế độ Tài chính – Kế toán hiện hành.

- Tổ chức, thực hiện những nhiệm vụ đáp ứng mọi yêu cầu của công tác kế toán quản trị trong doanh nghiệp.

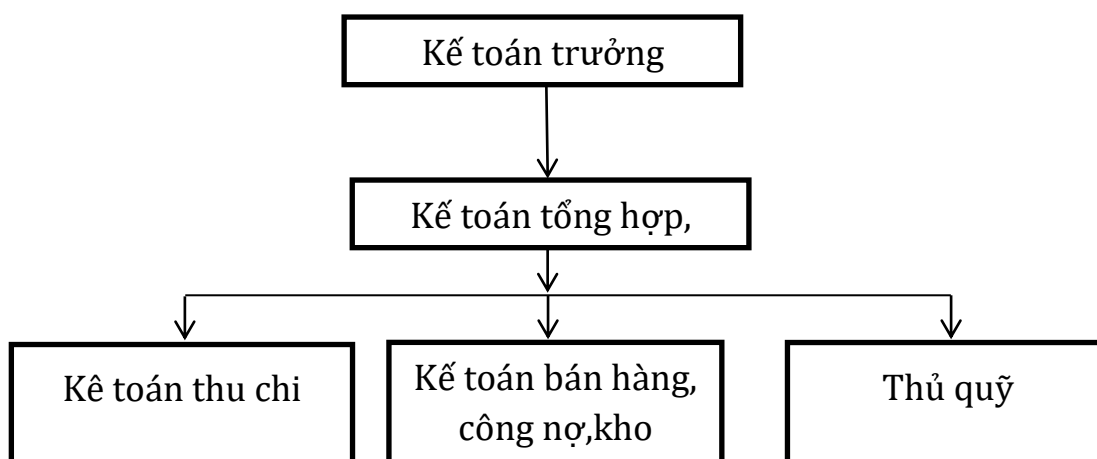
- Tham mưu cho giám đốc trong lĩnh vực quản lý các hoạt động tài chính, đề xuất lên giám đốc các phương án tổ chức kế toán, đồng thời thông tin cho ban lãnh đạo những hoạt động tài chính, những thông tin cần thiết để kịp thời điều chỉnh quá trình hoạt động kinh doanh trong công ty.

- Thanh toán lương cho nhân viên.

2.1.2.4.Đặc điểm tổ chức kế toán.

a.Mô hình tổ chức kế toán.

Sơ đồ 15: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán công ty TNHH thương mại Quý Tùng Lâm.



Bộ máy kế toán của công ty TNHH thương mại Quý Tùng Lâm được tổ chức theo hình thức tập trung gọn nhẹ, toàn bộ công tác kế toán từ việc xử lý chứng từ đến ghi sổ tổng hợp, lập báo cáo tài chính đều được tập trung thực hiện ở phòng kế toán.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, với mô hình kế toán tập trung đã giúp bộ máy kế toán của công ty được gọn nhẹ, tiết kiệm chi phí, phù hợp với tình hình của công ty. Giúp cung cấp thông tin kịp thời cho các nhà quản lý trong việc ra quyết định.

- *Kế toán trưởng*: là người được bổ nhiệm theo quyết định của giám đốc công ty, có trách nhiệm đôn đốc các kế toán viên làm việc có hiệu quả. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức điều hành toàn bộ hệ thống kế toán của công ty và chịu sự điều hành của giám đốc.

- *Kế toán tổng hợp:*
 - + Kiểm tra định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh
 - + Kiểm tra sự chính xác giữa số liệu kế toán chi tiết và tổng hợp
 - + Kiểm tra số dư cuối kỳ có hạch toán đúng và khớp với báo cáo chi tiết hay không.
 - + Hạch toán thu nhập, chi phí khấu hao, TSCĐ, công nợ, thuế GTGT, báo cáo thuế,...
 - + Lập báo cáo tài chính theo từng tháng, quý, năm
 - + Lưu trữ dữ liệu kế toán theo quy định
- *Kế toán thu chi*
 - + Lập phiếu thu, phiếu chi tiền mặt
 - + Theo dõi dòng tiền vào, dòng tiền ra của công ty
 - + Theo dõi việc thanh toán của khách hàng
- *Kế toán bán hàng và theo dõi công nợ:*
 - + Theo dõi tình hình thanh toán của công ty với khách hàng
 - + Đối chiếu công nợ của công ty với khách hàng
 - + Thực hiện việc ghi chép sổ quỹ
 - + Quản lý chứng từ, sổ sách liên quan đến thu, chi tiền mặt
 - + Theo dõi vật tư nguyên liệu nhập xuất trong kho.
- *Thủ quỹ:* trực tiếp thu chi tiền mặt, tiếp nhận chứng từ ngân hàng theo dõi số dư tài khoản tại các ngân hàng.

b. Hình thức và chế độ kế toán áp dụng.

Công ty TNHH thương mại Quý Tùng Lâm áp dụng chế độ kế toán theo QĐ48/2012 QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành, chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các chứng từ, sổ sách kế toán đều tuân thủ theo đúng quy trình của nhà nước, lập theo mẫu sẵn của Bộ Tài chính ban hành.

a. Kỳ kế toán: Bắt đầu từ 01/01 đến ngày 31/12

b. Đơn vị tiền tệ sử dụng (áp dụng trong năm kế toán): Việt Nam đồng

c. Hình thức kế toán: Chứng từ được lập theo hình thức Nhật ký chung

d. Phương pháp kế toán hàng tồn kho:

- *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc*

- *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo phương pháp bình quân liên hoàn.*

- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên*

e. Công ty áp dụng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

f. Phương pháp hạch toán chi tiết hàng hóa: phương pháp thẻ song song.

g. Phương pháp khấu hao tài sản đang áp dụng: phương pháp khấu hao theo đường thẳng(năm)

h. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Phân bổ chi phí đầu tư tài sản cố định

i. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu: Doanh thu bán hàng và doanh thu cung cấp dịch vụ.

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUÝ TÙNG LÂM.

2.2.1. Kế toán bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế mà công ty thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động kinh doanh góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu bán hàng có thể là thu tiền ngay, cũng có thể chưa thu được (do các thỏa thuận về thanh toán bán hàng) nhưng đã được khách hàng chấp thuận thanh toán thì đều được ghi nhận là doanh thu.

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là dịch vụ ăn uống vì vậy doanh thu của công ty được cấu thành từ cung cấp dịch vụ và doanh thu bán hàng hóa (bia , rượu, nước ngọt, thuốc lá,...)

Phương thức bán hàng mà công ty áp dụng: Phương thức bán hàng trực tiếp: Khách hàng trực tiếp sử dụng các dịch vụ và mua hàng hóa tại địa điểm kinh doanh của công ty (nhà hàng) hoặc thanh toán trước tiền hàng sau đó công ty chuyển hàng đến nơi khách hàng yêu cầu. Chi phí vận chuyển sẽ do 2 bên thỏa thuận.

2.2.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

- ✓ Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng, phiếu xuất kho.
- ✓ Hóa đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ (hóa đơn thông thường, hóa đơn GTGT). Hóa đơn GTGT bao gồm 3 liên.

- Liên 1 : Lưu tại quyển.(màu tím).
 - Liên 2 : Giao cho người mua. (màu đỏ)
 - Liên 3 : Luân chuyển nội bộ để ghi sổ kế toán.(màu xanh).
- ✓ Các chứng từ thanh toán
- Phiếu thu, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng,...và các chứng từ khác liên quan.

2.2.1.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.

❖ **Để hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, kế toán sử dụng các tài khoản:**

- ✓ Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- ✓ Tài khoản 111, 112: Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng.
- ✓ Tài khoản 131: Phải thu khách hàng.
- ✓ Tài khoản 3331: Thuế GTGT phải nộp.

❖ **Sổ sách sử dụng.**

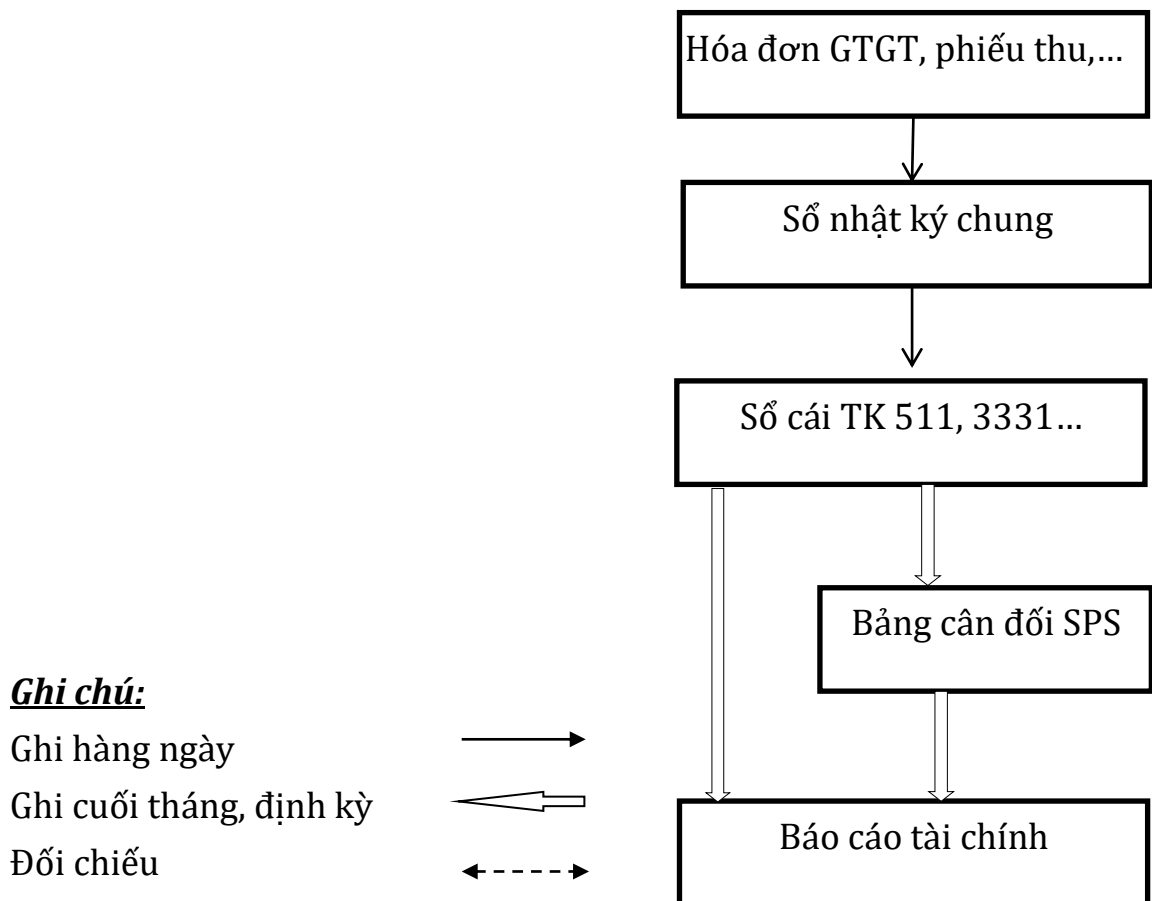
- ✓ Bảng kê bán hàng.
- ✓ Sổ nhật ký chung.
- ✓ Sổ cái tài khoản 511, 632.
- ✓ Bảng cân đối số phát sinh.

❖ **Hệ thống báo cáo tài chính.**

- ✓ Bảng cân đối kế toán.
- ✓ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- ✓ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Bảng thuyết minh báo cáo tài chính.

2.2.1.3. Quy trình hạch toán.

Sơ đồ 16: Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.



Hàng ngày căn cứ vào các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, nhân viên bán hàng trực tiếp lập các chứng từ. Nhân viên bán hàng lập hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng. Cuối ngày nhân viên bán hàng giao toàn bộ hóa đơn GTGT và sổ tiền hàng thu được cho thủ quỹ làm căn cứ ghi sổ quỹ và nhập quỹ tiền mặt. Sau đó thủ quỹ chuyển toàn bộ hóa đơn cho kế toán. Kế toán tập hợp toàn bộ hóa đơn bán hàng, hoặc hợp đồng mua bán...làm căn cứ ghi Sổ nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào Sổ nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái các tài khoản 511, 111, 112, 3331,...Cuối kỳ, kế toán tiến hành tổng hợp số liệu trên Sổ cái và lập bảng cân đối phát sinh, Báo cáo tài chính.

Một số ví dụ:

VD1. Ngày 30/11/2015 xuất kho 10 thùng Cam ép. Giá bán 310.000đ chưa bao gồm VAT 10% cho ông Hoàng Quốc Việt. Phiếu xuất kho số XK835 đã thanh toán bằng tiền mặt. HĐ số 0000985.

Nhân viên bán hàng lập phiếu xuất kho và hóa đơn GTGT số 0000985.

Sau đó, nhân viên bán hàng chuyển cho kế toán trưởng và giám đốc ký duyệt: đem phiếu xuất kho đến cho thủ kho làm thủ tục xuất hàng, ký nhận.

Sau khi khách hàng nhận hàng và thanh toán tiền, Nhân viên bán hàng giao cho khách hàng hóa đơn GTGT liên 2, liên 1 lưu tại quyển, liên 3 sử dụng để ghi sổ nhật ký chung.

Căn cứ sổ nhật ký chung (biểu số 09) kế toán ghi sổ cái TK 511 (biểu số 10)

Cuối kỳ cộng số liệu lập bảng CĐ SPS và Báo cáo tài chính.

VD2. Ngày 01/12/202015 Ông Phạm Văn Ba của công ty bảo hiểm PVI Duyên Hải thanh toán hóa đơn dịch vụ ăn uống 3.000.000 chưa bao gồm VAT 10%, bằng tiền mặt. HĐ số 0000992

Nhân viên bán hàng lập hóa đơn GTGT đồng thời lập phiếu thu.

Sau đó, nhân viên bán hàng giao cho khách hàng hóa đơn GTGT liên số 2, liên 1 lưu tại quyển, liên 3 dùng để ghi sổ Nhật ký chung, và sổ quỹ tiền mặt. Căn cứ vào Sổ nhật ký chung(biểu số 09), kế toán ghi sổ cái tk 511(biểu số 10)

Cuối kỳ, cộng số liệu lập bảng cân đối số phát sinh và Báo cáo tài chính

Biểu số 01: Phiếu xuất kho ngày 30/11/2015**CÔNG TY TNHH TM QUÝ TÙNG LÂM****Số 68 - Tô Hiệu- Trại Cau-Lê Chân - Hải Phòng****Mẫu số 02 – VT***(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)***PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 30 tháng 11 năm 2015

Số: XK835

Nợ: 632

Có: 156

Họ và tên người nhận hàng:Địa chỉ (bộ phận):.....

Lý do xuất kho:

Xuất tại kho (ngăn lô): Địa điểm:.....

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Cam ép	MS 215	thùng	10	10	209.626	2.096.262
	Cộng	X	x	10	10	209.626	2.096.262

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu không trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm sáu mươi hai đồng chẵn./

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 30 tháng 11 năm 2015

Người lập phiếu **Người nhận hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(Ký, họ tên, đóng dấu) *(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên)* *Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên)*

Biểu số 02: Hóa đơn GTGT số 0000985**HOÁ ĐƠN GTGT**

Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 3: Nội bộ

Ký hiệu: AA/14P

Ngày 30 tháng 11 năm 2015

Số: **0000985**Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUÝ TÙNG LÂM.**Mã số thuế: **0201274787**

Địa chỉ: Số 68 phố Tô Hiệu, phường Trại Cau, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0313.556.769

Số tài khoản: 254 1100 292 007 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội –CN Hải Phòng

Họ tên người mua hàng: Hoàng Quốc Việt.

Tên đơn vị: **Công ty TMCP Khánh Minh**

Mã số thuế: 0105 673 775

Địa chỉ: 173 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

Hình thức thanh toán: TM Số tài khoản:

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Cam ép	thùng	10	310.000	3.100.000

Cộng tiền hàng: 3.100.000

Thuế suất GTGT: 10%

Tiền thuế GTGT:

310.000

Tổng cộng tiền thanh toán:

3.410.000

Số tiền viết bằng chữ: **Ba triệu bốn trăm mười nghìn đồng chẵn./****Người mua hàng****Người bán hàng****Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 03: Phiếu thu số 1076**Mẫu số: 01 - TT****CÔNG TY TNHH TM QUÝ TÙNG LÂM** (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)**PHIẾU THU**
*Ngày 30 tháng 11 năm 2015*Quyển số:
Số: PT 1076
Nợ: 1111
Có: 5111
Có: 3331

Họ và tên người nộp tiền: Ông Hoàng Quốc Việt

Địa chỉ:

Lý do nộp: Thanh toán hóa đơn mua cam ép.

Số tiền: **3.410.000.**

Viết bằng chữ): Ba triệu bốn trăm mười nghìn đồng chẵn./

Kèm theo: 1 Chứng từ gốc.

Ngày 30 tháng 11 năm 2015.

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu số 04: Hóa đơn GTGT số 0000992**HOÁ ĐƠN GTGT**

Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 3: Nội bộ

Ký hiệu: AA/14P

Ngày 01 tháng 12 năm 2015

Số: **HD0000992**Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUÝ TÙNG LÂM.**Mã số thuế: **0201274787**

Địa chỉ: Số 68 phố Tô Hiệu, phường Trại Cau, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0313.556.769

Số tài khoản: 254 1100 292 007 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Hải Phòng

Họ tên người mua hàng: Phạm Văn Ba.

Tên đơn vị: **Công ty Bảo hiểm PVI Duyên Hải**

Mã số thuế: 0105 402 531-009

Địa chỉ: Tầng 7 toàn nhà DG 15 Trần Phú , Ngô Quyền, Hải PHÒNG.

Hình thức thanh toán: Tiền mặt Số tài khoản:

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Dịch vụ ăn uống				3.000.000

Cộng tiền hàng 3.000.000

Thuế suất GTGT:10% Tiền thuế GTGT: 300.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 3.300.000

Số tiền viết bằng chữ: **Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn./****Người mua hàng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 05: Phiếu thu số 1090

Mẫu số: 01 - TT
CÔNG TY TNHH TM QUÝ TÙNG LÂM (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU
Ngày 01 tháng 12 năm 2015

Quyển số:
Số: PT 1090
Nợ: 1111
Có: 5111
Có: 3331

Họ và tên người nộp tiền: Ông Phạm Văn Ba

Địa chỉ: **CÔNG TY BẢO HIỂM PVI DUYÊN HẢI**

Lý do nộp: Thanh toán hóa đơn dịch vụ ăn uống (tiếp khách)

Số tiền: **3.300.000**

Viết bằng chữ: Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn./

Kèm theo: **1** Chứng từ gốc.

Ngày 01 tháng 12 năm 2015.

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu số 06: bảng kê bán hàng kèm theo HĐ ngày 01/12/2015**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUÝ TÙNG LÂM****Mã số thuế: 0201274787****Địa chỉ :68 Tô Hiệu-Trại Cau-Lê Chân-Hải Phòng****BẢNG KÊ BÁN HÀNG****Ngày 01/12/2015 kèm theo HĐ GTGT số0000992**

STT	Tên Hàng	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Đậu	gói	3	10,000	30,000
2	Khăn Lạnh	cái	25	2,000	50,000
3	Lavi	chai	5	10,000	50,000
4	Cá trình	kg	1,0	650,000	650,000
5	Tôm trộn hồng không	đĩa	2	190,000	380,000
6	Cá bớp	con	10	50,000	500,000
7	Khoai lang chiên	đĩa	3	20,000	60,000
8	Chả ốc	cái	20	10,000	200,000
9	Stolichlaya	chai	2	310,000	620,000
10	Nộm hoa chuối tép	đĩa	2	50,000	100,000
11	Hoa quả	đĩa	3	120,000	360,000
	Tổng tiền hàng				3,000,000
	Thuế GTGT 10%				300,000
	Tổng tiền thanh toán				3,300,000

Viết bằng chữ: **Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn./**

Người bán hàng

Người mua hàng

Biểu số 07: Bảng giá vốn hàng hóa ngày 01/12/2015

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUÝ TÙNG LÂM

Đ/c: 68 Tô Hiệu- Trại Cau- Lê Chân- HP.

BẢNG GIÁ VỐN HÀNG HÓA

Đvt: đồng

STT	Tên Hàng	Đơn vị	Đơn giá vốn
1	Đậu	gói	5.000
2	Ngô sữa	gói	5.000
3	Khăn Lạnh	cái	500
4	Lavi (24c/thung)	thùng	75.000
5	Cam ép	thùng	209.626
6	Bia heniken	két	250.000
7	Rượu stolich laya	chai	255.000
...	...	...	...
35	Khoai lang chiên	đĩa	15.700
36	Cá trình	kg	385.600
...	...	...	...
64	Tôm trộn hồng không	đĩa	135.650
...	...	...	...
108	Cá bớp	con	33.066
...	...	...	...
120	Chả ốc	cái	7.300
...	...	...	...
258	Nộm hoa chuối tép	đĩa	33.060
259	Hoa quả	đĩa	77.850
...	...	...	...

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Biểu số 08: Bảng giá vốn hàng hóa hóa đơn số 0000992

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUÝ TÙNG LÂM

Đ/c: 68 Tô Hiệu- Trại Cau- Lê Chân- HP.

GIÁ VỐN HÀNG HÓA

HĐ GTGT: 0000992

Đvt: đồng

STT	Tên Hàng	Số lượng	Đơn giá vốn	Thành tiền
1	Đậu	3	5.000	15.000
3	Khăn Lạnh	25	500	12.500
4	Lavi	5	3.125	15.625
7	Rượu stolich laya	2	255.000	510.000
35	Khoai lang chiên	3	15.700	47.100
36	Cá trình	1	385.600	385.600
64	Tôm trộn hồng không	2	135.650	271.300
108	Cá bóp	10	33.066	330.660
120	Chả ốc	20	7.300	146.000
258	Nộm hoa chuối tép	2	33.060	66.120
259	Hoa quả	3	77.850	233.550
	Tổng			2.033.445

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Biểu số 09: Trích sổ Nhật ký chung năm 2015

Công Ty TNHH THƯƠNG MẠI QUÝ TÙNG LÂM

Mẫu S03-DNN

Số 68 Tô Hiệu Trại Cau-Lê Chân -HP

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÍ CHUNG**Năm: 2015****ĐVT: đồng**

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐ U	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
...	...	..	..	...	..	..
07/10	PC108	07/10	Nộp tiền vào TK	112	62.000.000	
07/10	PC108	07/10	Nộp tiền vào TK	111		62.000.000
...	...	...	...	...	...	...
30/11	XK835	30/11	Cam ép	632	2.096.262	
30/11	XK835	30/11	Cam ép	156		2.096.262
30/11	PT1076	30/11	Cam ép	111	3.410.000	
30/11	PT1076	30/11	Cam ép	511		3.100.000
30/11	PT1076	30/11	Cam ép	3331		310.000
...	...	...	...	...	...	...
01/12	PT1090	01/12	Dịch vụ ăn uống	111	3.300.000	
01/12	PT1090	01/12	Dịch vụ ăn uống	511		3.000.000
01/12	PT1090	01/12	Thuế giá trị gia tăng	3331		300.000
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh		16.618.741.735	16.618.741.735
			Số lũy kế chuyển kì sau		16.618.741.735	16.618.741.735

Ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 10: Trích Sổ cái TK 511**CÔNG TY TNHH TM QUÝ TÙNG LÂM****Số 68 Tô Hiệu - phường Trại Cau - Lê****Chân - Hải Phòng****Mẫu số: S03b-DNN***(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CÁI****(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)****Năm 2015****Tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ĐVT:đồng**

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh trong kỳ			
30/11	PT1076	30/11	Cam ép	111		3.100.000
...	...	...	...	...	...	...
01/12	PT1090	01/12	Dịch vụ ăn uống	111		3.300.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PT2011	31/12	Dịch vụ ăn uống	111		4.855.000
31/12	PT2012	31/12	Dịch vụ ăn uống	111		12.170.000
31/12	PKT 02/12	31/12	K/C DT bán hàng và CCDV	911	3.163.692.709	
			- Cộng số phát sinh		3.163.692.709	3.163.692.709
			- Số dư cuối kỳ			
			- Cộng lũy kế từ đầu năm		3.163.692.709	3.163.692.709

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 11: Trích sổ cái TK 632**CÔNG TY TNHH TM QUÝ TÙNG LÂM****Mẫu số: S03b-DNN**

Đ/c: 68 Tô Hiệu- Trại Cau-Lê Chân- Hải Phòng.

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CÁI****(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)****Năm 2015****Tài khoản: 632 – Giá vốn hàng bán.****ĐVT: đồng**

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm			
			- Số phát sinh trong kỳ			
..	...	..	...		...	...
29/1 1	XK830	29/11	Xuất kho bia heniken	156	2.000.000	
..	...	..	...		...	...
30/1 1	XK835	30/11	Xuất kho bán Cam ép	156	2.096.262	
..	...	..	...		...	...
01/1 2	PT1090	01/12	Dịch vụ ăn uống	156	2.033.455	
..	...	..	...		...	...
31/1 2	PKT 03/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		2.013.560.929
			- Cộng số phát sinh		2.013.560.929	2.013.560.929
			- Số dư cuối năm			

Người ghi sổ**Kế toán trưởng***Ngày 31 tháng 12 năm 2015***Giám đốc**

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

Trị giá vốn hàng bán của công ty bao gồm : trị giá mua thực tế + chi phí thu mua.

Giá vốn hàng bán của công ty TNHH TM Quý Tùng Lâm được tính theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:

Trị giá hàng xuất kho = Lượng hàng hóa xuất kho * Giá đơn vị xuất kho

$$\text{Giá đơn vị xuất kho} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập}}{i}$$

2.2.2.1. Chứng từ kế **Lượng hàng tồn sau lần nhập i** **toán sử dụng.**

- Phiếu xuất kho.
- Hóa đơn GTGT.

2.2.2.2. Tài khoản và sổ sách sử dụng.

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 632: Giá vốn hàng bán.
- TK 156: Hàng hóa.

❖ Sổ sách sử dụng:

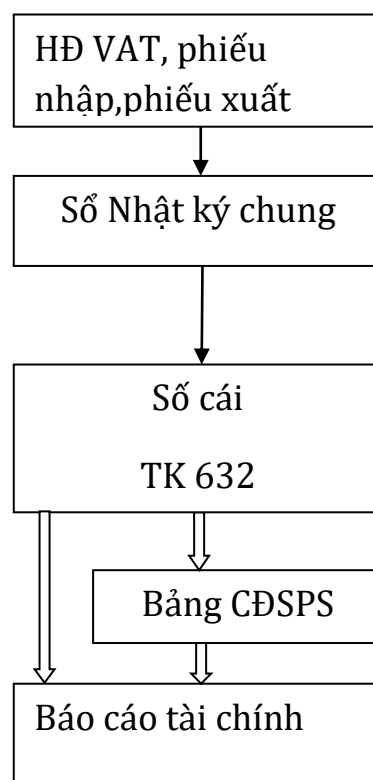
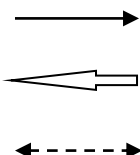
- Sổ nhật ký chung
- Sổ Cái TK 632, TK 156.

2.2.2.3. Quy trình hạch toán.**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng, định kỳ

Đối chiếu



Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ phát sinh, Kế toán sẽ ghi vào Sổ Nhật ký chung và từ số liệu trên Sổ nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 632.

Cuối kỳ, cộng số liệu lập bảng CĐ SPS và BCTC.

Ví dụ về hạch toán giá vốn hàng bán.

VD3: Ngày 29/11/2015 xuất kho 8 két bia heniken giá vốn 250.000đồng/két Giá bán chưa bao gồm VAT(10%) 387.500 đồng/ két cho Công ty TMCP Khánh Minh. Phiếu xuất kho số XK830 đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Căn cứ vào số liệu ghi trên hóa đơn GTGT số 0000980 , kế toán ghi vào sổ chi tiết hàng hóa.

Minh họa cách tính giá vốn mặt hàng bia heniken.

Tồn đầu tháng 11/2015 là 4 két , trị giá hàng tồn là 1.200.000 đồng . Ngày 18/11/2015 nhập 20 két đơn giá nhập 240.000 đồng..

*Đơn giá xuất kho = (1.200.000 + 20*240.000)/24 = 250.000 đồng.*

Căn cứ số liệu ghi trên bảng kê bán hàng, kế toán vào sổ nhật ký chung (biểu số 14) , Sổ cái 632 (biểu số 15)

Cuối kỳ, cộng số liệu lập bảng CĐ SPS và BCTC.

VD4.(Minh họa tiếp nghiệp vụ giá vốn của VD1)

Ngày 30/11/2015 xuất kho 10 thùng Cam ép đơn giá vốn 209.626đ . Giá bán 310.000đ chưa bao gồm VAT 10% cho ông Hoàng Quốc Việt. Phiếu xuất kho số XK835 đã thanh toán bằng tiền mặt .HĐ số 0000985.

Căn cứ vào số lượng hàng ghi trên hóa đơn GTGT số 0000985, kế toán ghi vào sổ chi tiết hàng hóa.

Minh họa cách tính giá vốn mặt hàng Cam ép

Ngày 15/11/2015 nhập 15 thùng cam ép, trị giá tiền hàng là 3.075.000 đồng.Tồn đầu tháng 10 thùng Cam ép, trị giá là 2.165.656 đồng.

Đơn giá xuất kho = (2.165.656 + 3.075.000)/ 25 = 209.626 đồng.

Căn cứ số liệu ghi trên bảng kê bán hàng, kế toán vào sổ nhật ký chung (biểu số 14) , Sổ cái 632 (biểu số 15)

Cuối kỳ, cộng số liệu lập bảng CĐ SPS và BCTC.

Biểu số 12: phiếu xuất kho ngày 29/11/2015**CÔNG TY TNHH TM QUÝ TÙNG LÂM****Số 68 - Tô Hiệu- Trại Cau-Lê Chân - Hải Phòng****Mẫu số 02 – VT***(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)***PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 29 tháng 11 năm 2015

Số: XK830

Nợ: 632

Có: 156

Họ và tên người nhận hàng:Địa chỉ (bộ phận):.....

Lý do xuất kho:.....

Xuất kho:.....Địa điểm:.....

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Bia heniken	MS 123	két	8	8	250.000	2.000.000
	Cộng	X	x	8	8	250.000	2.000.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): **Hai triệu đồng chẵn./**

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 29 tháng 11 năm 2015

Người lập phiếu **Người nhận hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhận)

Biểu số 13: Phiếu xuất kho ngày 30/11/2015**CÔNG TY TNHH TM QUÝ TÙNG LÂM****Mẫu số 02 – VT****Số 68 - Tô Hiệu- Trại Cau-Lê Chân - Hải Phòng***(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)***PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 30 tháng 11 năm 2015

Số: XK835

Nợ: 632

Có: 156

Họ và tên người nhận hàng:Địa chỉ (bộ phận):.....

Lý do xuất kho:

Xuất tại kho:..... Địa điểm:.....

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Cam ép	MS 215	thùng	10	10	209.626	2.096.262
	Cộng	X	x	10	10	209.626	2.096.262

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu không trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm sáu mươi hai đồng chẵn./

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 30 tháng 11 năm 2015

Người lập phiếu**Người nhận****Thủ kho****Kế toán trưởng****Giám đốc****hàng**

Biểu số 14: Trích sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH TM QUÝ TÙNG LÂM Số 68 - Tô Hiệu- Trại Cau-Lê Chân - Hải Phòng Mẫu S03-DNN (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC) SỔ NHẬT KÍ CHUNG Năm:2015 ĐVT: đồng						
NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
...	...	..	..	...	..	..
15/1 1	NK162	15/1 1	Cam ép	156	3.075.000	
15/1 1	NK162	15/1 1	Cam ép	133	307.500	
15/1 1	NK162	15/1 1	Cam ép	111		3.382.500
...		...	...	...	...	...
18/1 1	NK173	18/1 1	Bia heniken	156	4.800.000	
18/1 1	NK173	18/1 1	Bia heniken	133	480.000	
18/1 1	NK173	18/1 1	Bia heniken	111		5.280.000
...	...	...	...	..	...	...
29/1 1	XK830	29/1 1	Bia heniken	632	2.000.000	
29/1 1	XK830	29/1 1	Bia heniken	156		2.000.000
29/1 1	GBC09	29/1 1	Bia heniken	112	3.410.000	
29/1 1	GBC09	29/1 1	Bia heniken	511		3.100.000
29/1 1	GBC09	29/1 1	Thuế GTGT	3331		310.000
...	...	...	...	...	...	...
30/1 1	PT1076	30/1 1	cam ép	632	2.096.262	
30/1 1	PT1076	30/1 1	cam ép	156		2.096.262
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số nhật ký		16.618.741.7 35	16.618.741.7 35

Biểu số 15: Trích sổ cái TK 632**CÔNG TY TNHH TM QUÝ TÙNG LÂM****Mẫu số: S03b-DNN**

Đ/c: 68 Tô Hiệu- Trại Cau-Lê Chân- Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày

14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)****Năm 2015****Tài khoản: 632 – Giá vốn hàng bán.****ĐVT: đồng**

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm			
			- Số phát sinh trong kỳ			
..	...	..	...		...	...
29/1 1	XK830	29/1 1	Xuất kho bia heniken	156	2.000.000	
..	...	..	...		...	...
30/1 1	XK835	30/1 1	Xuất kho Cam ép	156	2.096.262	2.096.262
..	...	..	...		...	...
31/1 2	PKT 03/12	31/1 2	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		2.413.560.929
			- Cộng số phát sinh		2.413.560.929	2.413.560.929
			- Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ**Kế toán trưởng****Giám đốc**

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

Chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty TNHH TM Quý Tùng Lâm là những chi phí phát sinh liên quan đến toàn bộ hoạt động bán hàng, quản lý của doanh nghiệp như:

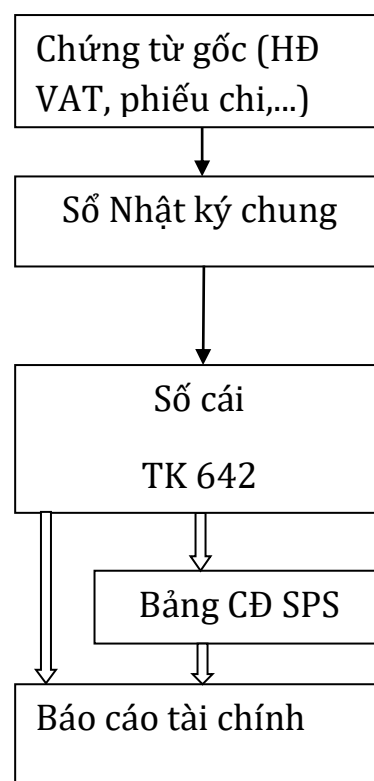
- Chi phí lương nhân viên bán.
- Chi phí lương nhân viên bếp.
- Chi phí lương nhân viên quản lý.
- Chi phí đồ dùng văn phòng.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- Chi phí khấu hao TSCĐ.
- Các chi phí khác bằng tiền.

2.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu chi, Giấy báo Có.
- Bảng lương, bảng phân bổ khấu hao.
- Các chứng từ khác có liên quan.

2.2.3.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.

- ❖ Tài khoản sử dụng : TK 642, các tài khoản khác có liên quan: 111, 112,...
- ❖ Sổ sách sử dụng:
 - Sổ nhật ký chung.
 - **Sổ Cái TK 642, 111, 112, 131,...**

2.2.3.3. Quy trình hạch toán.**Ghi chú:**

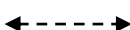
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, định kỳ



Đối chiếu



Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ (HĐ VAT, phiếu chi,...) kế toán hạch toán nghiệp vụ vào sổ nhật ký chung.

Căn cứ số liệu trên Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái TK 642.

Cuối năm, cộng số liệu trên sổ cái TK 642 để lập bảng cân đối số phát sinh, Báo cáo tài chính.

Ví dụ về hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

VD5: Ngày 31/12/2015 chi trả tiền lương cho cán bộ công nhân viên số tiền 64.942.000đ. Công ty trả lương bằng tiền mặt. Phiếu chi số 445

Căn cứ bảng chấm công và bảng lương tháng 12/2015, sau khi trừ các khoản trích theo lương kế toán lập phiếu chi số 08/12. Từ các chứng từ trên, kế toán vào sổ nhật ký chung (biểu số 20), sổ cái tài khoản 642 (biểu số 21)

❖ *Tính lương phải trả cho công nhân viên tháng 12/2015*

Nợ TK 642: 71.600.000đ

Có TK 334: 71.600.000đ

▲ *Các khoản trích tính vào lương.*

Nợ TK 334: $71.600.000 \times 10,5\% = 7.518.000$

Có TK 3383: $71.600.000 \times 8\% = 5.728.000$

Có TK 3384: $71.600.000 \times 1,5\% = 1.074.000$

Có TK 3389: $71.600.000 \times 1\% = 716.000$

▲ *Các khoản trích tính vào chi phí*

Nợ TK 642: 17.184.000

Có TK3382: 1.432.000

Có TK 3383: 12.888.000

Có TK3384: 2.148.000

Có TK3389: 716.000

Lương phải trả nhân viên tháng 12 là:

$72.100.000 - 7.158.000 = 64.942.000$ (đồng)

VD6: Thanh toán tiền điện tháng 12/2015 theo HĐ GTGT (tiền điện) số 0433562 của công ty Điện lực là 8.110.256 đồng(đã bao gồm VAT 10%. Phiếu chi số 449

Căn cứ vào hóa đơn tiền điện của công ty điện lực, kế toán viết phiếu chi số 445. Từ các chứng từ trên, kế toán vào sổ nhật ký chung (biểu số), sổ cái tài khoản 642 (biểu số)

Biểu số16 : Bảng lương nhân viên tháng 12/2015

BẢNG LƯƠNG NHÂN VIÊN THÁNG 12-2015								
STT	HỌ VÀ TÊN	MỨC LƯƠNG CƠ BẢN	THÂM NIÊN	TRÁCH NHIỆM	CỘNG	LƯƠNG 1 NGÀY CÔNG	CÔNG LÀM VIỆC	LƯƠNG THỜI GIAN
	2	4	5	6	7=4+5+6	8= 7/28	9	10=7x9
1	BÙI THỊ THÚY HÀ	3.000.000	100.000	500.000	3.600.000	128.571	28	3.600.000
2	ĐẶNG THỊ TƯƠI	3.500.000		500.000	4.000.000	142.857	29	4.142.857
3	HOÀNG HOÀI NAM	4.000.000	200.000	500.000	4.700.000	167.857	30	5.035.714
4	LƯU CÔNG KHÁNH	7.000.000	300.000	500.000	7.800.000	278.571	30	8.357.143
5	PHẠM VĂN TOÀN	5.000.000			5.000.000	178.571	28	5.000.000
6	PHẠM NAM TƯỚC	5.000.000	300.000	500.000	5.800.000	207.143	30	6.214.286
7	NGUYỄN THỊ SƠN	3.500.000			3.500.000	125.000	29	3.625.000
8	NGUYỄN VĂN THÀNH	4.000.000	200.000	500.000	4.700.000	167.857	29	4.867.857
9	VŨ THỊ HUỆ	3.000.000			3.000.000	107.143	29	3.107.143
10	HOÀNG THỊ THÚY	3.000.000			3.000.000	107.143	26	2.785.714
11	NGUYỄN VĂN QUẢNG	4.000.000	100.000		4.100.000	146.429	26	3.807.143
12	TRẦN ANH SƠN	3.000.000			3.000.000	107.143	28	3.000.000
13	PHẠM QUỲNH TRANG	3.100.000			3.100.000	110.714	26	2.878.571
14	NGUYỄN ĐỨC ANH	4.000.000	100.000		4.100.000	146.429	29	4.246.429
15	VŨ THÀNH TRUNG	4.000.000	100.000		4.100.000	146.429	28	4.100.000
16	NGUYỄN QUANG THÁI	4.000.000	100.000		4.100.000	146.429	29	4.246.429
17	LÊ DUY QUỲ	3.000.000	100.000		3.100.000	110.714	28	3.100.000
		66.100.000	1.600.000	3.000.000	70.700.000	2.525.000	482	72.100.000
KẾ TOÁN QUẢN LÝ GIÁM ĐỐC								

Biểu số17 : phiếu chi ngày 31/12/2015**CÔNG TY TNHH TM QUÝ TÙNG LÂM.Mẫu số: 02 - TT**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*

Quyển số: 12

Số: 445

Nợ: TK 334

Có: TK 1111

Người nhận tiền: Bùi Thị Thúy Hà

Địa chỉ: Phòng kế toán.

Lý do chi: Thanh toán tiền lương nhân viên tháng 12/2015

Số tiền: **64.942.000**(Viết bằng chữ):*Sáu mươi bốn triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn đồng chẵn./.*

Kèm theo:

*Ngày 31 tháng 12 năm 2015***Giám đốc****Kế toán trưởng****Người lập
phiếu****Người nhận
tiền****Thủ quỹ**

Biểu số 18: Hóa đơn GTGT điện tháng 12 năm 2015

HÓA ĐƠN GTGT(TIỀN ĐIỆN)
(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)
Từ ngày 01/12/2015 đến 31/12/2015

Mẫu số:01GTKT0/001
Ký hiệu:AC/15E
Số:0433562
ID HĐ: 56118326

CN Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng

Địa chỉ: 75 Chu Văn An

Tên khách hàng:Công ty TNHH Thương Mại Quý Tùng Lâm

Địa chỉ: 68 Tô Hiệu-Trại Cau- Lê Chân- Hải Phòng.

Điện thoại:0313.555.769 MST: 0201274787

Bộ CS	Chỉ số mới	Chỉ số cũ	HS Nhân	ĐN tiêu thụ	ĐN trực tiếp	ĐN trừ phụ	ĐN thực tế	Đơn giá	Thành tiền
KT	7820	4642	1	3178	0	0	3178	2320	7.372.960
Cộng							3178	2320	7.372.960
Thuế suất GTGT : 10%							Thuế GTGT		737.296
Tổng cộng tiền thanh toán									8.110.256
Số tiền viết bằng chữ: Tám triệu một trăm mười nghìn hai trăm năm mươi sáu đồng./									
Ngày ký: 31/12/2015									

Biểu số19 : phiếu chi ngày 31/12/2015**CÔNG TY TNHH TM QUÝ TÙNG LÂM. Mẫu số: 02 - TT**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI*Ngày 31 tháng 12 năm 2015*

Quyển số: 12

Số: 449

Nợ: TK 642

Có: TK 1111

Người nhận tiền: Hoàng Hoài Nam

Địa chỉ: Phòng kế toán.

Lý do chi: Thanh toán tiền điện tháng 12/2015

Số tiền: **8.110.256**(Viết bằng chữ): ***Tám triệu một trăm mười nghìn hai trăm năm mươi sáu đồng.***

Kèm theo:

*Ngày 31 tháng 12 năm 2015***Giám đốc**(Ký, họ tên,
đóng dấu)**Kế toán**(Ký, họ tên)
trưởng**Người lập**(Ký, họ tên)
phiếu**Người nhận**(Ký, họ tên)
tiền**Thủ quỹ**

(Ký, họ tên)

Biểu số 20: Trích sổ nhật ký chung 2015**CÔNG TY TNHH TM QUÝ TÙNG LÂM****Mẫu S03-DNN****Số 68 - Tô Hiệu- Trại Cau-Lê Chân - Hải Phòng***(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ NHẬT KÍ CHUNG****Năm:2015****ĐVT: đồng**

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ'	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang		13.273.870.6 85	13.273.729.8 80
...	...	...	...	...	...	...
31/1 2	BL12	31/1 2	Lương nv t12	642	72.100.000	
31/1 2	BL12	31/1 2	Lương nv t12	334		72.100.000
31/1 2	BL12	31/1 2	Các khoản trích tính vào chi phí	642	17.184.000	
31/1 2	BL12	31/1 2		338		17.184.000
31/1 2	BL12	31/1 2	Các khoản trích tính vào lương	334	7.518.000	
31/1 2	BL12	31/1 2	Các khoản trích tính vào lương	338		7.518.000
31/1 2	PC445	31/1 2	Chi trả lương nv t12	334	64.942.000	
31/1 2	PC445	31/1 2	Chi trả lương nv t12	111		64.942.000
...	...	...	...	...	...	...
31/1 2	PC 449	31/1 2	TT tiền điện t12	642	8.110.256	
31/1 2	PC449	31/1 2	TT tiền điện t12	111		8.110.256
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh		16.618.741.7 35	16.618.741.7 35

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ**Giám đốc**

Biểu số 21: trích số cái tài khoản 642**Mẫu số: S03b-DNN****CÔNG TY TNHH TM QUÝ TÙNG LÂM**

Đ/c: 68 Tô Hiệu- Trại Cau-Lê Chân- Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)****Năm 2015****Tài khoản: 642 – Chi phí quản lý kinh doanh****ĐVT: đồng**

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐÚ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh trong kỳ			
...	...	...	...	..	...	...
31/1 2	BL12	31/1 2	Lương nv T12	334	72.100.000	
31/1 2	BL12	31/1 2	Các khoản trích theo lương	338	17.184.000	
...	...	...	..	..	...	...
31/1 2	PC449	31/1 2	TT tiền điện T12	111	8.110.256	
...	...	...	..	..	...	...
			- Cộng số phát sinh		694.452.759	694.452.759
			- Số dư cuối năm			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.**2.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng.**

Doanh thu hoạt động tài chính được công ty TNHH Thương mại Quý Tùng Lâm sử dụng để phản ánh phần lãi tiền gửi ngân hàng được hưởng. Các chứng từ khác sử dụng bao gồm:

- Giấy báo có của ngân hàng.
- Sổ phụ và bảng kê ngân hàng.
- Các Chứng từ khác...

Năm 2015 công ty TNHH TM Quý Tùng Lâm không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí tài chính.

2.2.4.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 515 – doanh thu hoạt động tài chính.
- Các tài khoản khác có liên quan.: TK 112,...

❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật Ký Chung.
- Sổ Cái TK 515

2.2.4.3. Quy trình hạch toán.

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc phát sinh, Kế toán vào Sổ Nhật Ký Chung và Sổ cái Tk 515, đồng thời theo dõi sổ tiền gửi ngân hàng.

Cuối kỳ tiến hành kết chuyển doanh thu, chi phí hoạt động tài chính để xác định kết quả hoạt động kinh doanh và lập bảng CĐSPS và BCTC.

Quy trình hạch toán được mô tả qua sơ đồ sau:

Ghi chú:

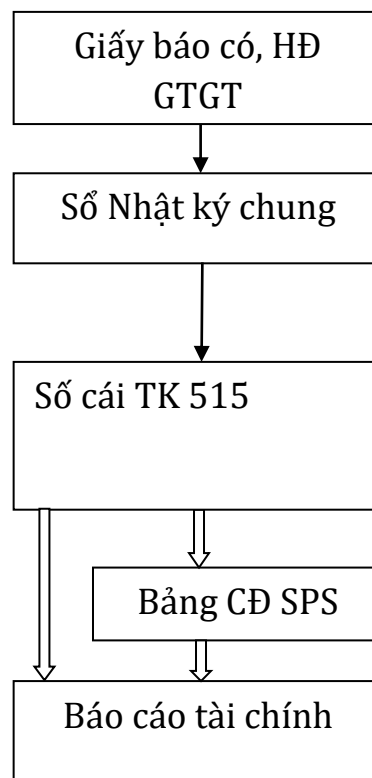
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, định kỳ



Đối chiếu



Ví dụ về hạch toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính..

VD7: Ngày 25/08/2015 Công ty nhận được giấy báo có số 00004 của ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội về khoản lãi tiền gửi được nhận. Số tiền là 10.679 đồng.

Căn cứ vào Giấy báo có của ngân hàng, Kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung(biểu số 24), Sổ Cái TK 515(Biểu số 25). Cuối kỳ tổng hợp số phát sinh xác định kết quả hoạt động kinh doanh và lập bảng CĐ SPS và BCTC.

Biểu số 22: Giấy Báo Có số 00004

NGÂN HÀNG TMCP QUAN DOI HAI PHONG

MST KH : 0201274787

MST NH: 0100283873-004

PHIEU BAO CO

Ngày: 25/08/2015

Ma giao dich: FT 15244086201112

Tai khoan/khach hang

so tien

Tai khoan No 2541100292007 Du dau : 23,154,854

CTY TNHH TM QUY TUNG LAM Du cuoi::23,165,533

Tai khoan Co: VND1625500990001

Tra lai tien gui

So tien bang chu: muoi nghin sau tram bay muoi chin dong. So tien: 10,679.

Dien giai: tra lai tien gui

KE TOAN VIEN

KIEM SOAT

KE TOAN TRUONG

Biểu số23 : Trích Sổ tiền gửi ngân hàng.**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUÝ TÙNG LÂM**

Mẫu số: S06-DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ QUỸ TIỀN GỬI****Năm:2015**

Nơi mở tài khoản :Ngân hàng TMCP Quân Đội

Số hiệu tài khoản: 2541100292007

ĐVT: đồng

NT ghi số	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		
	SH	NT			Thu	Chi	Còn lại
A	B	C	D	E	1	2	3
			Số dư đầu năm				48.174.895
			...		...	...	...
25/08	GBC04	25/08	Thu lãi tiền gửi	111	10.679		23.154.854
			...		...	...	...
25/11	UNC02	25/11	TT tiền t11 cho nhà cc	331		10.829.000	54.126.784
25/11	UNC02	25/11	phí chuyển khoản thanh toán	642		10.207	54.116.577
25/11	UNC02	25/11	Thuế GTGT	133		1.021	54.115.556
			...		...	...	...
			Cộng SPS năm		136.679.385	45.264.000	
			Số dư cuối năm				139.590.280

Người ghi sổ**Kế toán trưởng****Giám đốc**

Biểu số 24: Trích Sổ nhật ký chung 2015**CÔNG TY TNHH TM QUÝ TÙNG LÂM****Mẫu S03-DNN****Số 68 - Tô Hiệu- Trại Cau-Lê Chân - Hải Phòng***(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ NHẬT KÍ CHUNG****Năm:2015****ĐVT: đồng**

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
...	...	..	..	...	..	..
25/08	GBC04	25/08	Thu lãi tiền gửi	112	10.679	
25/08	GBC04	25/08	Thu lãi tiền gửi	515		10.679
...	...	...	...	...	...	...
18/11	NK172	18/11	Nước lọc aquafina	152	3.363.600	
18/11	NK172	18/11	Nước lọc aquafina	111		3.363.600
...	...	...	...	...	...	...
25/11	UNC02	25/11	Thanh toán tiền hàng cho nhà cc Hồng Hạnh	331	10.829.000	
25/11	UNC02	25/11	Thanh toán tiền hàng cho nhà cc Hồng Hạnh	112		10.829.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 02/12	31/12	Kết chuyển DT hoạt động TC	515	140.805	
31/12	PKT 02/12	31/12		911		140.805
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh		16.618.741.735	16.618.741.735

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số25 : Sổ Cái tài khoản 515**Mẫu số: S03b-DNN****CÔNG TY TNHH TM QUÝ TÙNG LÂM**

Đ/c: 68 Tô Hiệu- Trại Cau-Lê Chân- Hải Phòng.

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày

14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)****Năm 2015****Tài khoản: 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.****ĐVT: đồng**

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh trong kỳ			
25/01	GBC 01	25/01	Thu tiền lãi ngân hàng	112		13.867
...	...	...	...	...	...	...
25/08	GBC 04	25/08	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	112		10.679
...	...	...	...	...	...	...
25/12	GBC 10	25/12	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	112		33.866
31/12	PKT 40	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	140.805	
			- Cộng số phát sinh		140.805	140.805
			- Số dư cuối kỳ			
			- Cộng lũy kế từ đầu năm		140.805	140.805

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.**2.2.5.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.**

Công ty TNHH Thương mại Quý Tùng Lâm xác định kết quả kinh doanh vào cuối kỳ kế toán. Công thức xác định kết quả kinh doanh của công ty :

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Kết quả hoạt động kinh doanh} + \text{Kết quả hoạt động tài chính} + \text{Kết quả hoạt động khác}$$

Trong đó :

Kết quả hoạt động kinh doanh :

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp hàng bán} - \text{Chi phí hoạt động kinh doanh}$$

$$\text{Lợi nhuận gộp} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

Kết quả hoạt động tài chính:

$$\text{Lợi nhuận hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

Kết quả hoạt động khác:

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Doanh thu khác} - \text{Chi phí khác}$$

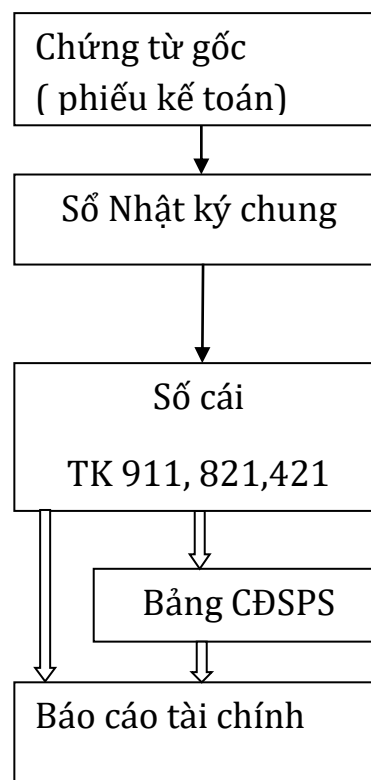
Từ các công thức trên và số liệu được tổng hợp, kế toán tính và xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả kinh doanh của công ty TNHH Thương mại Quý Tùng Lâm năm 2015.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	3.163.692.709 đồng
Các khoản giảm trừ doanh thu	=	0 đồng
Doanh thu thuần về BH và CCDV	=	3.163.692.709đồng
Giá vốn hàng bán	=	2.413.560.929 đồng
Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	=	750.131.780đồng
Doanh thu hoạt động tài chính	=	140.805 đồng
Chi phí tài chính	=	0 đồng
Chi phí quản lý kinh doanh	=	694.452.759 đồng
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	=	55.819.826đồng
Thu nhập khác	=	0 đồng
Chi phí khác	=	0 đồng
Lợi nhuận khác	=	0đồng
Tổng lợi nhuận kế toán trước	=	55.819.826đồng
Chi phí thuế TNDN	=	13.954.957 đồng
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	=	41.864.869 đồng

2.2.5.2. Chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán sử dụng.

- ❖ Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán
- ❖ Tài khoản sử dụng:
 - Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh.
 - Tài khoản 821 – Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
 - Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối
- ❖ Sổ sách kế toán sử dụng.
 - Sổ nhật ký chung.
 - Sổ Cái T 911,821, 421
- ❖ Quy trình hạch toán

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, định kỳ ⇨

Đối chiếu ↔

Biểu số 26: phiếu kế toán số 02/12

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUÝ TÙNG LÂM

Địa chỉ: 68 Tô Hiệu – Trại cau – Lê Chân – Hải Phòng.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số : 02/12.

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	3.163.692.709
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	140.805
	Cộng			3.163.833.514

Người lập**Kế toán trưởng****Biểu số 27: phiếu kế toán số 03/12**

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUÝ TÙNG LÂM

Địa chỉ: 68 Tô Hiệu – Trại cau – Lê Chân – Hải Phòng.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số : 03/12.

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	2.413.560.929
2	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	694.452.759
	Cộng			3.108.013.688

Người lập**Kế toán trưởng**

Biểu số 28: phiếu kế toán số 04/12

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUÝ TÙNG LÂM

Địa chỉ: 68 Tô Hiệu – Trại cau – Lê Chân – Hải Phòng.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số : 04/12.

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xác định thuế TNDN	821	3334	13.954.957
	Cộng			13.954.957

Người lập**Kế toán trưởng****Biểu số 29: phiếu kế toán số 05/12**

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUÝ TÙNG LÂM

Địa chỉ: 68 Tô Hiệu – Trại cau – Lê Chân – Hải Phòng.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số : 05/12.

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển thuế TNDN	911	821	13.954.957
	Cộng			13.954.957

Người lập**Kế toán trưởng**

Biểu số 30: phiếu kế toán số 06/12

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUÝ TÙNG LÂM

Địa chỉ: 68 Tô Hiệu – Trại cau – Lê Chân – Hải Phòng.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số : 06/12.

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	4212	41.864.869
	Cộng			41.864.869

Người lập**Kế toán trưởng**

Biểu số 31: Trích Sổ Nhật ký chung 2015**CÔNG TY TNHH TM QUÝ TÙNG LÂM****Mẫu S03-DNN****Số 68 - Tô Hiệu- Trại Cau-Lê Chân - Hải Phòng***(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ NHẬT KÍ CHUNG****Năm:2015****ĐVT:đồng**

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang		13.273.870.685	13.273.729.880
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT 02/12	31/12	k/c DT BH và CCDV	511 911	3.163.692.709	3.163.692.709
31/12	PKT 02/12	31/12	k/c DT HĐTC	515 911	140.805	140.805
31/12	PKT 03/12	31/12	k/c Giá vốn hàng bán	911 632	2.413.560.929	2.413.560.929
31/12	PKT 03/12	31/12	k/c chi phí quản lý DN	911 642	694.452.759	694.452.759
31/12	PKT 04/12	31/12	Xác định thuế TNDN	821 3334	13.954.957	13.954.957
31/12	PKT 05/12	31/12	k/c thuế TNDN	911 821	13.954.957	13.954.957
31/12	PKT 06/12	31/12	k/c lợi nhuận sau thuế	911 421	41.864.869	41.864.869
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng số phát sinh		16.618.741.735	16.618.741.735

*Ngày 31 tháng 12 năm 2015***Người ghi sổ****Giám đốc**

Biểu số 32: Sổ Cái tài khoản 911**CÔNG TY TNHH TM QUÝ TÙNG LÂM**

Đ/c: 68 Tô Hiệu- Trại Cau-Lê Chân- Hải Phòng.

Mẫu số: S03b-DNN*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC**ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC***SỔ CÁI****(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)****Năm 2015****Tài khoản: 911 – xác định kết quả kinh doanh.****Đvt: đồng**

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐÚ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm			
			- Số phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT 02/12	31/12	k/c doanh thu BH và CCDV	511		3.163.692.709
31/12	PKT 02/12	31/12	k/c doanh thu HĐTC	515		140.805
31/12	PKT 03/12	31/12	k/c giá vốn hàng bán	632	2.413.560.929	
31/12	PKT 03/12	31/12	k/c chi phí quản lý DN	642	694.452.759	
31/12	PKT 05/12	31/12	k/c thuế TNDN	821	13.954.957	
31/12	PKT 06/12	31/12	k/c lợi nhuận sau thuế	421	41.864.869	
			- Cộng số phát sinh		3.163.833.514	3.163.833.514
			- Số dư năm.			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2015***Người ghi sổ****Kế toán trưởng****Giám đốc**

Biểu số 33: Sổ Cái tài khoản 821

CÔNG TY TNHH TM QUÝ TÙNG LÂM Đ/c: 68 Tô Hiệu- Trại Cau-Lê Chân- Hải Phòng.				Mẫu số: S03b-DNN <i>(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>		
SỔ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung) Năm 2015						
Tài khoản: 821 – thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.					Đvt:	
đồng						
NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐÚ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm			
			- Số phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT 04/12	31/12	Xác định thuế TNDN	3334	13.954.957	
31/12	PKT 05/12	31/12	k/c thuế TNDN	911		13.954.957
			- Cộng số phát sinh		13.954.957	13.954.957
			- Số dư năm			
Người ghi sổ Kế toán trưởng Giám đốc Ngày 31 tháng 12 năm 2015						

Biểu số 34: Sổ Cái tài khoản 421.

CÔNG TY TNHH TM QUÝ TÙNG LÂM Đ/c: 68 Tô Hiệu- Trại Cau-Lê Chân- Hải Phòng.				Mẫu số: S03b-DNN <i>(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)</i>		
SỔ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung) Năm 2015						
Tài khoản: 421 – thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.					Đvt: đồng	
NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐÚ	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			- Số dư đầu năm			186.234.554
			- Số phát sinh trong kỳ			
31/1 2	PKT 06/12	31/1 2	k/c lợi nhuận sau thuế	911		41.864.869
			- Cộng số phát sinh			41.864.869
			- Số dư năm			228.108.423
Người ghi sổ Kế toán trưởng Giám đốc <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>						

Biểu số 35: Báo Cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

Niên độ tài chính năm 2015

Mã số thuế: 0201274787**Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUÝ TÙNG LÂM**

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	3.163.692.709	2.961.056.900
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		3.163.692.709	2.961.056.900
4	Giá vốn hàng bán	11		2.013.560.929	1.890.706.050
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.150.131.780	1.070.350.850
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		140.805	112.009
7	Chi phí tài chính	22		0	0
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		694.452.759	646.985.780
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		455.819.826	423.477.079
10	Thu nhập khác	31		0	0
11	Chi phí khác	32		0	0
12	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	455.819.826	423.477.079
14	Chi phí thuế TNDN	51		113.954.957	105.869.270
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		341.864.869	317.607.809

Ngày 29 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI QUÝ TÙNG LÂM.

3.1 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU , CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI QUÝ TÙNG LÂM.

Công ty TNHH Thương mại Quý Tùng Lâm là một doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trước những thử thách và khó khăn của nền kinh tế thị trường hiện nay, để có một vị trí vững chắc đòi hỏi công ty phải luôn nỗ lực không ngừng. Đặc biệt trong ngành thương mại và dịch vụ là ngành mà kinh tế hiện nay đang dần hướng tới vì vậy công ty gặp phải sức ép từ nhiều đối thủ cạnh tranh là không tránh khỏi. Tuy có những khó khăn, thách thức nhưng trong những năm qua công ty TNHH TM Quý Tùng Lâm đã từng bước ổn định, phát triển. Công ty đã tạo dựng cho mình một chỗ đứng tương đối vững chắc, đóng góp một phần nhỏ vào sự phát triển chung của nền kinh tế đất nước. Tạo công ăn việc làm cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu tại công ty về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng, cùng với sự hướng dẫn chỉ bảo của các anh chị nhân viên trong công ty đã tạo điều kiện cho em được thực tập làm quen với môi trường thực tế. Em đã củng cố thêm được nhiều kiến thức và vận dụng những gì được học trong sách vở. Qua đây, em cũng xin mạnh dạn được đưa ra một số ý kiến nhận xét, đóng góp về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Quý Tùng Lâm.

3.1.1. Ưu điểm.

3.1.1.1. Về tổ chức kế toán

Công ty tổ chức kế toán theo mô hình tập chung phù hợp với quy mô kinh doanh, yêu cầu quản lý của công ty. Hình thức này gọn nhẹ, đảm bảo

công tác kế toán được thực hiện một cách thống nhất, thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát của ban giám đốc công ty. Việc tổ chức công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng được thực hiện theo một trình tự có tính thống nhất cao, việc tập hợp số liệu một cách chính xác.

Phòng kế toán có quy chế làm việc rõ ràng, mỗi kế toán viên đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cùng với tinh thần tận tâm, nhiệt tình trong công việc nên công tác kế toán tại công ty ít xảy ra sai sót.

Kế toán phản ánh nhanh chóng, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán, phục vụ tốt công tác quản lý.

3.1.1.2. Về việc tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán.

Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định.

Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời. Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ.

Công tay áp dụng hình thức Nhật Ký Chung, hình thức này đơn giản về quy trình hạch toán và số lượng sổ sách.

3.1.1.3. Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Về kế toán doanh thu: Trong kỳ khi phát sinh các nghiệp vụ về bán hàng đều được kế toán ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu. Từ đó giúp cho kết quả kinh doanh được xác định một cách hợp lý, đúng thời điểm, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho Ban giám đốc.

Về kế toán chi phí: mọi chi phí phát sinh trong kỳ kinh doanh đều được ghi nhận kịp thời, quản lý tốt đảm bảo tính hợp lý và cần thiết.

Về xác định kết quả kinh doanh: công tác xác định kết quả kinh doanh ở công ty được thực hiện tương đối tốt, phần nào đáp ứng yêu cầu của nhà quản lý về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác, đầy đủ về tình hình kinh doanh của công ty.

3.1.2. Hạn chế.

3.1.2.1. Về việc áp dụng chính sách ưu đãi.

Hiện nay công ty chưa áp dụng các chính sách ưu đãi cho khách hàng. Việc không áp dụng các chính sách ưu đãi trong chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp phần nào làm giảm số lượng khách hàng đến với công ty, giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

3.1.2.2. Về việc tổ chức hệ thống sổ kế toán.

Khi hạch toán về doanh thu, chi phí công ty chỉ mở sổ nhật ký chung, sổ cái chứ không mở sổ theo dõi chi tiết cho các tài khoản như doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh. Điều này gây khó khăn trong việc theo dõi, quản lý chi phí, kiểm tra và đối chiếu sổ sách kế toán.

3.1.2.3. Về việc ứng dụng kỹ thuật vào công tác kế toán.

Hiện nay, việc ghi chép kế toán ở công ty còn thủ công nên vẫn tồn tại những hạn chế nhất định như: mất thời gian, dễ gây nhầm lẫn, sai sót, không hiệu quả,... chính vì thế mà báo cáo tài chính của công ty đôi khi chậm trễ về thời gian, khi sai sót thì khó phát hiện ra. Hệ thống sổ và trình tự ghi sổ của công ty chưa được thực hiện trên một phần mềm kế toán nào, mới chỉ xây dựng được một số phần hành trên Excel, word.

3.1.2.4. Về chuyên môn nghiệp vụ.

Theo thông tư 59/2015/TT- BLĐTBXH, quy định về các khoản tính đóng và không tính đóng BHXH. Các khoản phụ cấp như phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp thâm niên là các khoản phụ cấp được tính đóng BHXH nhưng văn bản này được áp dụng kể từ 01/01/2016 đến hết 31/12/2017. Tuy nhiên kế toán tại công ty đã áp dụng quy định này vào tháng 12 năm 2015 tính cả lương thâm niên và trách nhiệm làm cơ sở để tính các khoản trích theo lương. Điều này làm tăng chi phí quản lý kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên có thể đây là cách để doanh nghiệp giữ chân người lao động.

3.2. HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUÝ TÙNG LÂM.

3.2.1. Tính cấp thiết của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Quý Tùng Lâm.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, vì vậy nó có vai trò rất quan trọng.

Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Xác định đúng doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty sẽ cho biết tình hình hoạt động của công ty ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh để tăng doanh thu, hạ chi phí. Mặt khác xác định được mục tiêu, chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là rất quan trọng.

Hiện nay, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Quý Tùng Lâm chưa được hoàn thiện gây khó khăn cho công tác quản lý thông tin về doanh thu, chi phí được đầy đủ, chi tiết, chính xác. Vì vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được hoàn thiện sẽ giúp cung cấp số liệu doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh chính xác, có độ tin cậy cao, đúng với chế độ chính sách hiện hành. Từ đó, giúp kế toán lập các báo cáo tài chính nói chung và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng một cách trung thực, hợp lý đồng thời giúp nhà quản trị nhận định được tình hình sản xuất kinh doanh của công ty tốt hay xấu, có đạt được kết quả mong muốn hay không, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước thế nào và có thể đưa ra biện pháp nhằm thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, tiết kiệm chi phí hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận.

3.2.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với công ty nếu quản lý tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp các nhà quản trị quản lý, theo dõi được tình hình tiêu thụ và sử dụng chi phí kinh doanh của toàn công ty. Từ đó công ty có

những biện pháp để thúc đẩy tiêu thụ, kiểm soát chặt chẽ chi phí, xác định kết quả hoạt động kinh doanh một cách chính xác, phân phối thu nhập cho người lao động một cách hợp lý, làm cho người lao động hăng say hơn trong lao động.

Đối với công tác kế toán, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một phần quan trọng, nó thể hiện kết quả kinh doanh cuối kỳ của doanh nghiệp vì thế việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp kế toán đưa ra những thông tin kế toán chính xác hơn và tạo niềm tin cho nhà quản trị khi sử dụng thông tin kế toán.

3.2.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu tại công ty về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng, cùng với sự hướng dẫn chỉ bảo của các anh chị nhân viên trong công ty đã tạo điều kiện cho em được thực tập làm quen với môi trường thực tế. Em đã củng cố thêm được nhiều kiến thức và vận dụng những gì được học trong sách vở. Qua đây, em cũng xin mạnh dạn được đưa ra một số ý kiến nhận xét, đóng góp về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Quý Tùng Lâm.

3.2.3.1. Hiện đại hóa công tác kế toán.

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để tạo điều kiện tốt nhất cho kế toán viên hoàn thành nhiệm vụ của mình và đưa ra những thông tin kế toán chính xác và kịp thời hơn. Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như:

- **Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015(giá cho gói 13 phân hệ 8.1950.000 đồng)**

MISA SME.NET là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp. MISA SME.NET phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Xây lắp; Sản xuất.



Đối với lĩnh vực thương mại, dịch vụ MISA giúp doanh nghiệp theo dõi tốt các khoản doanh thu, chi phí, công nợ và tự động tính lợi nhuận theo từng phòng ban, bộ phận giúp lãnh đạo doanh nghiệp dễ dàng đánh giá được hiệu quả kinh doanh của từng bộ phận.



➤ **Phần mềm kế toán SMART PRO (công ty thương mại dịch vụ giá 3.000.000 đồng)**



- **Lập trình trên công nghệ mới nhất Microsoft.NET**, xử lý số liệu tốc độ cực nhanh và chính xác bằng việc áp dụng công nghệ xử lý SQL Server và Visual Basic, có thể chạy nhiều máy trên mạng LAN, có chức năng lưu dữ liệu sang 1 file khác dự phòng và khôi phục dữ liệu khi bị mất, không sợ virus làm hư data.
- Công nghệ DevExpress Report động cho phép khách hàng tự chỉnh các biểu mẫu báo cáo và các loại chứng từ gốc cho phù hợp với đơn vị. Chỉnh in hóa đơn theo mẫu doanh nghiệp.
- **Cập nhật** báo cáo thuế, báo cáo tài chính trực tiếp qua HTKK mã vạch (không cần đẩy ra file Excel), theo dõi và tính thuế GTGT đầu vào, đầu ra.
- **Giao diện** dễ nhìn, thao tác ngắn gọn lại thực hiện được nhiều việc mà những phần mềm khác không thể làm được. Hình thức nhập liệu quen thuộc, cực nhanh, dễ sử dụng với những chức năng vượt trội bằng việc áp dụng công nghệ lập trình một màn hình nhập liệu mà không chia theo phân hệ như các phần mềm kế toán khác, khi đang nhập phát sinh bạn có thể mở các danh mục hồ sơ ra xem.

- Bạn có thể thực hiện các phép tính (Cộng, trừ, nhân, chia) ngay tại Textbox mình đang nhập và dán vào sau khi đã tính toán xong hoặc copy từ một Cell của Excel (có công thức hoặc không có công thức) dán vào.
- **Công nghệ** lọc dữ liệu thông minh, có thể lọc được bất kỳ thông tin nào, người sử dụng chỉ việc đưa ra tiêu chuẩn lọc (dạng chữ hoặc số).
- Báo cáo tài chính, quyết toán năm (Thuyết minh BCTC, Bảng cân đối tài khoản, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh chi tiết hoặc tổng hợp theo từng ngành, từng chi nhánh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ), phân tích tỉ số BCTC, lập báo cáo quản trị (so sánh doanh thu, chi phí theo kỳ).
- **Theo dõi chi tiết và tổng hợp** nhập xuất tồn vật tư, hàng hóa, thành phẩm theo nhiều đơn vị tính, nhiều quy cách, theo nhiều kho, theo số lô, hạn dùng, nhà sản xuất, với 4 phương pháp tính giá xuất kho như bình quân gia quyền theo tháng, Bình quân gia quyền theo thời điểm, Nhập trước xuất trước, Nhập sau xuất trước, đích danh, in thẻ kho hàng loạt.
- Theo dõi chi tiết và tổng hợp công nợ theo tài khoản, từng khách hàng, từng hợp đồng, từng hóa đơn, thời hạn nợ, từng công trình, in bảng đối chiếu công nợ, xử lý chênh lệch tỷ giá tự động.
- Xử lý và tính giá thành tự động theo định mức, Theo tỷ lệ, Theo công trình, Theo nhiều giai đoạn, tự động lập phiếu xuất kho khi bán hàng.
- Theo dõi và phân tích doanh thu, chi phí theo từng công trình, hợp đồng, từng bộ phận, từng nhân viên, khách hàng, khu vực.
- Xác định kết quả kinh doanh, trích khấu hao tài sản cố định, phân bổ chi phí trả trước, chi phí mua hàng tự động, tính lương VP, trích BHXH.

➤ **Phần mềm kế toán SMARTBOOKS SME (giá 2.500.000 đồng)**



- **Phần mềm kế doanh nghiệp nhỏ và vừa SmartBooks SME** là công cụ hỗ trợ đắc lực trong công việc hạch toán kế toán của các doanh nghiệp. Giúp công việc kế toán trở nên dễ dàng, đơn giản, công việc kế toán chỉ còn là việc cập nhật các chứng từ gốc phát sinh hàng ngày như hóa đơn mua hàng, hóa đơn bán hàng, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho,... các công việc mệt nhọc, mất nhiều thời gian như viết chứng từ, ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính khi thực hiện bằng hình thức thủ công hầu hết sẽ được máy tính tự động hóa.

- **Dễ học, dễ sử dụng** :Với SmartBooks SME 2012 bạn có thể bắt đầu và tiếp cận rất nhanh chóng. Dễ dàng khởi tạo sổ kế toán bỏ chức năng tạo cơ sở dữ liệu qua từng bước trên màn hình, tạo thư mục chứa số liệu kế toán, thiết lập các thông tin năm kế toán, các tùy chọn chung trước khi bắt đầu các công việc cập nhật số liệu kế toán.

- **Tìm kiếm thuận lợi, dễ dàng** :Tìm kiếm theo nhiều điều kiện khác nhau, tìm mọi thông tin liên quan đến chứng từ, chi tiết đến từng dòng chứng từ một cách nhanh chóng và trực quan. Từ kết quả tìm kiếm sẽ tra cứu ngay được chứng từ gốc.

- **Báo cáo nhanh, chính xác** :Phần mềm kế toán SmartBooks SME cung cấp một loạt các báo cáo tài chính và báo cáo quản trị, giúp quý vị thực hiện lập báo cáo nhanh và chính xác. Với mỗi một báo cáo quý vị có thể thực hiện tùy chỉnh mẫu báo cáo, kết xuất báo cáo ra một số tệp thông dụng như: Excel, PDF.

Ngoài ra hệ thống còn cung cấp cho quý vị công cụ xem báo cáo và truy vấn ngược từ dữ liệu trong báo cáo đến chứng từ đầu vào, giúp quý vị dễ dàng trong việc quản lý và chỉnh sửa các chứng từ mỗi khi có sai số

- **Khả năng bảo mật cao** :Phân quyền cho người dùng, hệ thống cho phép phân quyền đến từng chức năng, từng báo cáo và đến từng thao tác, như: Thêm, sửa, xóa, ghi sổ, bỏ ghi sổ đến việc in một chứng từ, báo cáo nào đó.

Sao lưu dữ liệu tự động theo lịch sao lưu.

Cho phép thiết lập lịch sao lưu dữ liệu định kỳ: Hàng ngày, một ngày trong tuần hoặc một ngày nào đó trong tháng.

- **Đa người dùng** :Chia sẻ dữ liệu cho nhiều người sử dụng cùng làm việc, hệ thống chạy trên máy tính đơn lẻ hoặc mạng cục bộ (LAN)

- **Các tính năng nổi bật** : Quản lý chứng từ gốc: Phần mềm cho phép quản lý các chứng từ, hồ sơ gốc bằng nhiều dạng khác nhau, như: Word, Excel, PDF, dạng ảnh (Hồ sơ Scan)

Theo em công ty nên sử dụng phần mềm kế toán MISA SME.NET vì đây là phần mềm tương đối dễ sử dụng, hiện nay được rất nhiều các doanh nghiệp trên thị trường tin dùng. Tuy giá cả có phần hơi cao so với các phần mềm khác nhưng tính năng lại vượt trội hơn hẳn. Với 13 phân hệ phần mềm cho phép kế toán doanh nghiệp có thể thực hiện các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhanh chóng, dễ dàng. Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch, quản lý chặt chẽ hóa đơn. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng.

3.2.3.2. Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán chi tiết tại công ty.

❖ **Khi hạch toán doanh thu bán hàng** tại công ty cần hạch toán chi tiết doanh thu của từng nhóm hàng bán ra nhằm nắm bắt chi tiết doanh thu tiêu thụ của từng nhóm hàng đó. Từ đó lãnh đạo công ty có thể đưa ra được các chiến lược tiêu thụ hàng hóa như : marketing, tìm kiếm thị trường, tìm kiếm

đối tác,...Như vậy công ty nên mở sổ chi tiết cho từng nhóm hàng (biểu số 37). Đồng thời công ty nên mở bảng tổng hợp chi tiết.(biểu số 38)

Lấy lại VD1 của chương 2 để ghi sổ chi tiết bán hàng.

Biểu số36 : Mẫu sổ chi tiết bán hàng theo nhóm hàng.

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Quý Tùng Lâm

Địa chỉ: 68 Tô Hiệu – Lê Chân – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên nhóm hàng: (bia, nước ngọt, rượu, thuốc lá, đồ ăn..)

Năm:

Tài khoản: 511

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh -doanh thu thuần -Giá vốn hàng bán -Lãi gộp						

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 37: Sổ chi tiết bán hàng nhóm hàng nước ngọt

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Quý Tùng Lâm

Địa chỉ: 68 Tô Hiệu – Lê Chân – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên nhóm hàng: nước ngọt

Năm: 2015

Tài khoản: 511

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
30/1 1	PT107 6	30/11	Cam ép	111	10	310.000	3.100.000		
			Cộng số phát sinh -doanh thu thuần -Giá vốn hàng bán -Lãi gộp				(A)		

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 38: bảng tổng hợp chi tiết bán hàng.

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Quý Tùng Lâm

Địa chỉ: 68 Tô Hiệu – Lê Chân – Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT BÁN HÀNG

Năm: 2015

Tài khoản: 511

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	
	SH	NT			Thành tiền
...	...	...	...	...	...
31/12	CT BH	31/12	Rượu	111	(B)
31/12	CT BH	31/12	Nước ngọt	111	(A)
31/12	CT BH	31/12	Đồ ăn	111	(C)
...	...	...	...	...	...
			Cộng		3.163.692.709

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

Giám đốc

❖ **Khi hạch toán giá vốn hàng bán**, kế toán nên hạch toán chi tiết giá vốn của từng nhóm hàng hóa bán ra vì thông qua doanh thu và giá vốn chi tiết của nhóm hàng hóa, ta có thể xác định được lãi gộp của từng nhóm hàng. Đồng thời có hạch toán chi tiết giá vốn của từng nhóm hàng bán ra thì doanh nghiệp mới kiểm tra được kết quả từ khâu nhập hàng hóa đến khâu tiêu thụ hàng hóa như thế nào để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt được hiệu quả, chất lượng hàng hóa tốt tạo sức cạnh tranh trên thị trường. Vì vậy kế toán nên mở sổ chi tiết giá vốn hàng bán (biểu số 39). Ngoài ra điều này còn giúp doanh nghiệp lựa chọn được những nhà cung cấp tốt nhất , điều chỉnh giá cả cho phù hợp, kịp thời khi có sự biến động.

❖ **Khi hạch toán chi phí quản lý kinh doanh**. Tài khoản này bao gồm rất nhiều yếu tố chi phí như: chi phí tiền lương, trích BHXH, chi phí đồ dùng văn phòng,... Do đó công ty nên mở sổ chi tiết cho tài khoản 642- chi phí quản lý kinh doanh để chi tiết theo yếu tố chi phí. Chi phí là một trong những vấn đề mà nhà quản lý quan tâm trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Quản trị tốt chi phí là một trong những yếu tố quyết định thành công của doanh nghiệp. Để thực hiện tốt chức năng hoạch định và kiểm soát chi phí, nhà quản trị cần thiết thông tin từ kế toán. Sổ chi tiết chi phí giúp doanh nghiệp lập dự toán chi phí, định giá sản phẩm, phân tích những biến động thay đổi từ đó tìm ra lý do và đưa ra phương hướng giải quyết.

Lấy lại VD1 ở chương 2 để ghi sổ chi tiết giá vốn hàng bán (biểu số 39)

Lấy lại VD6 để ghi sổ chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp theo các yếu tố chi phí.

Biểu số 39: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán.

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Quý Tùng Lâm

Địa chỉ: 68 Tô Hiệu – Lê Chân – Hải Phòng

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản : 632

Năm:2015

Tên nhóm sản phẩm: nước ngọt

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Ghi nợ TK 632			
	SH	NT			Tổng số tiền	Chia ra		
						Số lượng	Đơn giá	...
A	B	C	D	E	3	2	3	
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
30/1 1	XK835	30/11	Xuất bán cam ép	156	2.096.260	10	209.626	
								
			Cộng số phát sinh tháng 11					
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 40: sổ chi tiết tài khoản 6422

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Quý Tùng Lâm

Địa chỉ: 68 Tô Hiệu – Lê Chân – Hải Phòng

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản : 6422:chi phí quản lý doanh nghiệp

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi nợ TK 632					
	SH	NT			Tổng số tiền	Chia ra				
						CP nhân viên QL	Chi phí VL QL	Chi phí KH TSCĐ	CPDV mua ngoài	Chi phí khác
A	B	C	D	E	3	2	3			
			Số dư đầu kỳ							
			Số phát sinh trong kỳ							
31/1 2	PC44 9	31/12	Trả tiền điện t12	156	8.110.256				8.110.256	
										
			Cộng SPS tháng 11							
			Số dư cuối kỳ							

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

3.2.3.3. Hoàn thiện công tác bán hàng nhằm tăng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Nhằm bắt được tâm lý khách hàng đa phần đều mong muốn có được những ưu đãi khi mua sắm, ăn uống vì vậy công ty nên áp dụng các chính sách ưu đãi nhằm thu hút khách hàng, tăng doanh thu và cũng là chiến lược để cạnh tranh với các đối thủ cùng loại. Cụ thể là:

- Đối với việc áp dụng chính sách ưu đãi chiết khấu hoặc giảm giá kế toán sẽ hạch toán và theo dõi trên tài khoản 521 và chi tiết trên tài khoản cấp 2 của tài khoản này.

- Công ty nên chiết khấu hoặc giảm giá đối với những khách hàng quen thuộc từ 5% đến 10%. Dựa trên sự tham khảo của các đối thủ cạnh tranh và tình hình thực tế hiện nay việc áp dụng chính sách này tương đối phổ biến, không ảnh hưởng nhiều đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Bằng cách

+ Công ty có thể phát thẻ vip đối với khách hàng quen thuộc. Điều này giúp công ty tạo được mối quan hệ tốt đối với khách hàng.

+ Lên kế hoạch áp dụng những chương trình khuyến mại, quà tặng vào các dịp lễ tết nhằm quảng bá thương hiệu thu hút những khách hàng mới.

KẾT LUẬN.

Trong điều kiện kinh doanh của nền kinh tế thị trường hiện nay để đứng vững và không ngừng phát triển là một vấn đề hết sức khó khăn đối với mỗi doanh nghiệp. Bộ phận kế toán nói chung với vai trò là công cụ quan trọng để quản lý kinh tế tài chính trong doanh nghiệp. Trong đó công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một vị trí đặc biệt quan trọng. Nó cung cấp số liệu kịp thời cho các nhà quản lý doanh nghiệp về tình hình kinh doanh cũng như phản ánh kịp thời, đầy đủ kết quả cuối cùng của doanh nghiệp, phục vụ đắc lực cho việc quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Sau một thời gian thực tập và tìm hiểu công tác kế toán ở công ty TNHH TM Quý Tùng Lâm em đã phần nào nắm bắt được thực trạng công tác tổ chức kế toán trong một doanh nghiệp và với đề tài :” **kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Quý Tùng Lâm** “ đã giúp em hiểu sâu hơn về lý luận chung, so sánh được sự giống và khác nhau giữa lý luận và thực tiễn nhằm bổ sung kiến thức đã được học trên ghế nhà trường.

Khóa luận đã khái quát toàn bộ quá trình hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Hy vọng với giải pháp và những ý kiến đóng góp của em sẽ một phần nào đó mở ra những phương hướng mới cho công tác kế toán nói riêng và hoạt động kinh doanh của công ty nói chung đạt hiệu quả hơn.

Do thời gian thực tập và nghiên cứu chưa nhiều nên bài khóa luận chắc chắn sẽ còn nhiều thiếu sót em rất mong nhận được ý kiến đóng góp chỉ bảo của các thầy cô trong khoa quản trị kinh doanh để khóa luận của em được tốt hơn.

Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ từ phòng kế toán của công ty TNHH thương mại Quý Tùng Lâm và sự chỉ bảo, hướng dẫn tận tình của Ths. Lê Thị Nam Phương đã giúp em hoàn thành quyển khóa luận này.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2016.

Sinh viên.

Hoàng Thị Hoài Phương.